

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG BỐ THÁNG 01/2026

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Nhựa đường	Carbonce/Asphalt - CA 9.5, CA 6.7	tấn			Công ty CP Carbon Việt nam	Việt Nam		Chỉ bao vận chuyển từ Đồng Nai đến trung tâm TP. Tây Ninh, ngoài địa điểm trên mỗi KM sẽ tính phụ trợ thêm 3.000đ		3,760,000	3,760,000	3,760,000	3,760,000
Nhựa đường	Carbonce/Asphalt - CA 12.5	tấn			Công ty CP Carbon Việt nam	Việt Nam		Chỉ bao vận chuyển từ Đồng Nai đến trung tâm TP. Tây Ninh, ngoài địa điểm trên mỗi KM sẽ tính phụ trợ thêm 3.000đ		3,760,000	3,760,000	3,760,000	3,760,000
Nhựa đường	Carbonce/Asphalt - CA 19	tấn			Công ty CP Carbon Việt nam	Việt Nam		Chỉ bao vận chuyển từ Đồng Nai đến trung tâm TP. Tây Ninh, ngoài địa điểm trên mỗi KM sẽ tính phụ trợ thêm 3.000đ		3,020,000	3,020,000	3,020,000	3,020,000
Nhựa đường	Nhũ tương kiểm thẩm bảm	kg			Công ty CP Carbon Việt nam	Việt Nam		Chỉ bao vận chuyển từ Đồng Nai đến trung tâm TP. Tây Ninh, ngoài địa điểm trên mỗi KM sẽ tính phụ trợ thêm 3.000đ		23,100	23,100	23,100	23,100
Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 - Xá	kg			Công ty Nhựa Đường PETROLIMEX	Việt Nam	Theo CV số 1592/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01/12/2025 (giao hàng tại nhà mức Nhà Bè-TP.HCM)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá bán tăng	14,000	14,000	14,000	14,000
Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - xá	kg			Công ty Nhựa Đường PETROLIMEX	Việt Nam	Theo CV số 1592/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01/12/2025 (giao hàng tại nhà mức Nhà Bè-TP.HCM)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá bán tăng	10,800	10,800	10,800	10,800
Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - xá	kg			Công ty Nhựa Đường PETROLIMEX	Việt Nam	Theo CV số 1592/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01/12/2025 (giao hàng tại nhà mức Nhà Bè-TP.HCM)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá bán tăng	12,000	12,000	12,000	12,000
Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg			Công ty Nhựa Đường PETROLIMEX	Việt Nam	Theo CV số 1592/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01/12/2025 (giao hàng tại nhà mức Nhà Bè-TP.HCM)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá bán tăng	15,800	15,800	15,800	15,800
Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - phuy	kg			Công ty Nhựa Đường PETROLIMEX	Việt Nam	Theo CV số 1592/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01/12/2025 (giao hàng tại nhà mức Nhà Bè-TP.HCM)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá bán tăng	13,300	13,300	13,300	13,300
Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - phuy	kg			Công ty Nhựa Đường PETROLIMEX	Việt Nam	Theo CV số 1592/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01/12/2025 (giao hàng tại nhà mức Nhà Bè-TP.HCM)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá bán tăng	14,500	14,500	14,500	14,500
Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	Việt Nam	Giá giao tại trạm bê tông xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,300,000			
Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12.5	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	Việt Nam	Giá giao tại trạm bê tông xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,355,000			
Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9.5	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	Việt Nam	Giá giao tại trạm bê tông xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,400,000			
Bê tông đúc sẵn	Công BTLL 0300 VH-4m	m	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				316,507	
Bê tông đúc sẵn	Công BTLL 0300 VH-4m	m	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				312,185	
Bê tông đúc sẵn	Công BTLL 0400 VH-4m	m	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				380,893	
Bê tông đúc sẵn	Công BTLL 0400 VH-4m	m	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				375,263	
Bê tông đúc sẵn	Giới Công BTLL B300	cái	TCVN 10799:2015		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				126,633	
Bê tông đúc sẵn	Giới Công BTLL B300	cái	TCVN 10799:2015		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				125,045	
Bê tông đúc sẵn	Giới Công BTLL B400	cái	TCVN 10799:2015		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				139,478	
Bê tông đúc sẵn	Giới Công BTLL B400	cái	TCVN 10799:2015		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				137,557	
Bê tông đúc sẵn	Công hộp (1.0x1.0)m x 1.2m	cái	TCVN 9116:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				4,181,634	
Bê tông đúc sẵn	Công hộp (1.0x1.0)m x 1.2m	cái	TCVN 9116:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				4,093,009	
Bê tông đúc sẵn	Công hộp (1.2x1.2)m x 1.2m	cái	TCVN 9116:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				4,835,921	
Bê tông đúc sẵn	Công hộp (1.2x1.2)m x 1.2m	cái	TCVN 9116:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				4,732,171	
Bê tông đúc sẵn	Công hộp (1.6x1.6)m x 1.2m	cái	TCVN 9116:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				8,010,742	
Bê tông đúc sẵn	Công hộp (1.6x1.6)m x 1.2m	cái	TCVN 9116:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				7,826,242	
Bê tông đúc sẵn	Công rung ép 0300 T	md	TCVN 9113:2012	L=2.5-3.0m, 45.0cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		371,000	371,000	371,000	371,000
Bê tông đúc sẵn	Công rung ép 0400 T	md	TCVN 9113:2012	L=2.5-3.0m, 45.5cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		451,000	451,000	451,000	451,000
Bê tông đúc sẵn	Công rung ép 0300 TC	md	TCVN 9113:2012	L=2.5-3.0m, 45.0cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		376,000	376,000	376,000	376,000
Bê tông đúc sẵn	Công rung ép 0400 TC	md	TCVN 9113:2012	L=2.5-3.0m, 45.5cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		468,000	468,000	468,000	468,000
Bê tông đúc sẵn	Công ly tâm 0300 T	md	TCVN 9113:2012	L=4.0m, 45.0cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		421,000	421,000	421,000	421,000
Bê tông đúc sẵn	Công ly tâm 0400 T	md	TCVN 9113:2012	L=4.0m, 45.0cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		510,000	510,000	510,000	510,000
Bê tông đúc sẵn	Công ly tâm 0300 TC	md	TCVN 9113:2012	L=4.0m, 45.0cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		426,000	426,000	426,000	426,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Bê tông đúc sẵn	Công ly tấm Ø400 TC	md	TCVN 9113:2012	L=4.0m, d5.0cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		530,000	530,000	530,000	530,000
Bê tông đúc sẵn	Công hợp TK 1/18 - 1.0 x 1.0 (L=1.2m)	md	TCVN 9116:2012	1.0 x 1.0 (L= 1.2m)	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		4,222,000	4,222,000	4,222,000	4,222,000
Bê tông đúc sẵn	Công hợp TK 1/18 - 1.2 x 1.2 (L=1.2m)	md	TCVN 9116:2012	1.2 x 1.2 (L= 1.2m)	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		4,840,000	4,840,000	4,840,000	4,840,000
Bê tông đúc sẵn	Công hợp TK 1/18 - 1.6 x 1.6 (L=1.2m)	md	TCVN 9116:2012	1.6 x 1.6 (L= 1.2m)	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		7,563,000	7,563,000	7,563,000	7,563,000
Bê tông đúc sẵn	Cọc ống bê tông - PC A300	md	TCVN 7888:2014	L=6.0-12.0m, d6.0cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		290,000	290,000	290,000	290,000
Bê tông đúc sẵn	Cọc ống bê tông - PC B300	md	TCVN 7888:2014	L=6.0-12.0m, d6.0cm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		339,000	339,000	339,000	339,000
Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø300	cái	TCVN 10799:2015	460x250x100mm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		92,000	92,000	92,000	92,000
Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø400	cái	TCVN 10799:2015	520x250x100mm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		102,000	102,000	102,000	102,000
Bê tông đúc sẵn	Gối ty tâm Ø300	cái	TCVN 10799:2015	460x400x100mm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		140,000	140,000	140,000	140,000
Bê tông đúc sẵn	Gối ty tâm Ø400	cái	TCVN 10799:2015	520x400x100mm	Công ty TNHH XDCT Hùng Vương	Việt Nam		Đã gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hai đầu tới các khu vực tỉnh Tây Ninh		154,000	154,000	154,000	154,000
Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hồ ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hồ ga thu nước ngầm mái chong muồn) -SIGEN-01B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCCS cấp nhất 01:2025 TCCS.02:2020/Sig en	Hệ thống cấu thành gồm: - Hồ ga cho hệ thống thoát nước 01B kích thước ngoài 840x440x70mm, kích thước trong 700x300x600mm; bê tông đá 1 X 2 M300 - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm) kích thước 760x360x45mm - Cờ cầu ngầm mái cho hồ ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong	Công ty TNHH SiGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện ben bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các cỡ nối và đã bao gồm phí vận chuyển. Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	10,300,000	10,300,000	10,300,000	10,300,000
Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hồ ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hồ ga thu nước ngầm mái chong muồn) SIGEN-02C	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCCS cấp nhất 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hồ ga cho hệ thống thoát nước 02C: KT ngoài 840x440x 1200mm, KT trong 700x300x130mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu) KT 760x360x45mm - Cờ cầu ngầm mái cho hồ ga inox sus 316L hoặc nhựa ABS - Tầm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 KT 694x294x1 00mm, chiều dày 5mm	Công ty TNHH SiGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện ben bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	giá chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các cỡ nối và đã bao gồm phí vận chuyển	1,110,000	1,110,000	1,110,000	1,110,000
Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hồ ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hồ ga thu nước ngầm mái chong muồn) -SIGEN-03B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCCS cấp nhất 01:2025 TCCS.02:2020/Sig en	Hệ thống cấu thành gồm: - Hồ ga cho hệ thống thoát nước 03B + kích thước ngoài 840x440x540mm, + kích thước trong 700x300x70mm; (bê tông đá 1 X 2 M300) - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm), kích thước 760x360x45mm - Cờ cầu ngầm mái cho hồ ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong	Công ty TNHH SiGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện ben bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các cỡ nối và đã bao gồm phí vận chuyển. Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	7,800,000	7,800,000	7,800,000	7,800,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hồ ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hồ ga thu nước ngầm mái chống muỗi) SGEN-04A	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCSS 02:2020/SKGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hồ ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hồ ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x100mm, chiều dày 5mm - Logo: Đứng bờ rác non đây, rác làm rác	Công ty TNHH SiGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các cỡ nối và đã bao gồm phí vận chuyển. Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	13,300,000	13,300,000	13,300,000	13,300,000
Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hồ ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hồ ga thu nước ngầm mái chống muỗi) SGEN-04A-BVHD (bổ via hệ đúng)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCSS 02:2020/SKGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hồ ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm song chắn rác bổ via hệ đúng KT: 1000x200x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hồ ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x100mm	Công ty TNHH SiGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các cỡ nối và đã bao gồm phí vận chuyển. Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	13,300,000	13,300,000	13,300,000	13,300,000
Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hồ ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hồ ga thu nước ngầm mái chống muỗi) SGEN-04A-BVHX (bổ via hệ xiên)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCSS 02:2020/SKGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hồ ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm song chắn rác bổ via hệ xiên KT: 1000x200x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hồ ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x100mm	Công ty TNHH SiGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các cỡ nối và đã bao gồm phí vận chuyển. Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	13,300,000	13,300,000	13,300,000	13,300,000
Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hồ ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hồ ga thu nước ngầm mái chống muỗi) SGEN-07A	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCSS 02:2020/SKGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hồ ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm; KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x100mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hồ ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các cỡ nối và đã bao gồm phí vận chuyển. Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	9,800,000	9,800,000	9,800,000	9,800,000
Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hồ ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hồ ga thu nước ngầm mái chống muỗi) SGEN-07A (bổ via hệ đúng)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCSS 02:2020/SKGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hồ ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm; KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x100mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hồ ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các cỡ nối và đã bao gồm phí vận chuyển. Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hồ ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hồ ga thu nước ngầm mái chống muỗi) SKGEN-07A (bộ vỉa bê xi măng)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014-TCVN 10333-2:2014-TCVN 10333-3:2014-TCCS 02:2020/SKGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hồ ga cho hệ thống thoát nước 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x100mm - Cơ cấu ngầm mái cho hồ ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SĩGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đơn báo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ong nhưa các cơ sở và đã bao gồm phí vận chuyển. Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000
Bê tông đúc sẵn	Nắp hồ ga gang cầu thu nước có van ngầm mái SKGEN-04TNNM (NGT)	Bộ	- TCCS Cập nhật 01/2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: D100x1200x75mm, nắp gang 0940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trơn, chống ngập. - Cơ cấu ngầm mái cho hồ ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SĩGen	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đơn báo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ong nhưa các cơ sở và đã bao gồm phí vận chuyển. Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000
Bê tông đúc sẵn	Công tròn liên khối D1000mm; Thép vòng f 8, a=10cm; thép dọc f 10, a=19cm; dây 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có Tải trọng 8 tấn lưu thông	md	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2015	5m-11,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sc: ấp 9 xã Tân Long, tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/12/2025 đến khi có thông báo mới	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148
Bê tông đúc sẵn	Công tròn liên khối D1000mm; Thép vòng f 8, a=10cm; thép dọc f 12, a=19cm; dây 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	md	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2016	12m-17m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sc: ấp 9 xã Tân Long, tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/12/2025 đến khi có thông báo mới	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741
Bê tông đúc sẵn	Công tròn liên khối D1000mm; Thép vòng f 8, a=10cm; thép dọc f 12, a=19cm; có thép tăng cường chống gãy giữa công; dây 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	md	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2017	17,5m-19,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sc: ấp 9 xã Tân Long, tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/12/2025 đến khi có thông báo mới	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333
Bê tông đúc sẵn	Công tròn liên khối D1500mm; Thép vòng f 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc f 12, a=20cm; dây 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	md	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2018	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sc: ấp 9 xã Tân Long, tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/12/2025 đến khi có thông báo mới	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815
Bê tông đúc sẵn	Công tròn liên khối D1500mm; Thép vòng f 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc f 14, a=20cm; dây 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	md	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2019	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sc: ấp 9 xã Tân Long, tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/12/2025 đến khi có thông báo mới	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704
Bê tông đúc sẵn	Công tròn liên khối D1500mm; Thép vòng f 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc f 14, a=20cm; dây 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trọng 13 tấn lưu thông	md	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2020	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sc: ấp 9 xã Tân Long, tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/12/2025 đến khi có thông báo mới	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259

Nhóm	Tên vật liệu/vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Bê tông đúc sẵn	Công trộn liền khối D1500mm; Thép vòng 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc f16, a=20cm; dây 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe cộ tải trọng 13 tấn lưu thông	m <sup>3</sup>	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2021	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sơ: ấp 9 xã Tân Long, tỉnh Tây Ninh. Người phan vi 40km trong tương thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/12/2025 đến khi có thông báo mới	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444
Gạch ốp lát	Gạch Porcelain không mài cạnh, nhóm B1b 100x200mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	100x200mm	Công ty Cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	240,750	240,750	240,750	240,750
Gạch ốp lát	Gạch Porcelain không mài cạnh, nhóm B1b 100x300mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	100x300mm	Công ty Cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	263,220	263,220	263,220	263,220
Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh, nhóm B1f 300x450mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	300x450mm	Công ty Cổ phần Prime Đại Việt	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	145,520	145,520	145,520	145,520
Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh, nhóm B1f 400x800mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	400x800mm	Công ty Cổ phần Prime Đại Việt	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	273,920	273,920	273,920	273,920
Gạch ốp lát	Gạch ceramic không mài cạnh, nhóm B1b 400x400mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	400x400mm	Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	98,440	98,440	98,440	98,440
Gạch ốp lát	Gạch Ceramic B1b 500x500mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	500x500mm	Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	125,000	125,000	125,000	125,000
Gạch ốp lát	Gạch ceramic mài cạnh, in KTS nhóm B1b 500x500mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	500x500mm	Công ty Cổ phần Prime Phú Yên	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	112,350	112,350	112,350	112,350
Gạch ốp lát	Gạch bán sứ nhám, nhóm B1b 300x600mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	300x600mm	Công ty Cổ phần Prime Phú Yên	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	203,704	203,704	203,704	203,704
Gạch ốp lát	Gạch porcelain men bóng, mài cạnh, nhóm B1a 600x600mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	600x600mm	Công ty Cổ phần Prime Tiên Phong	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	242,890	242,890	242,890	242,890
Gạch ốp lát	Gạch porcelain cao cấp, men mờ, mài cạnh, nhóm B1a 600x600mm	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	600x600mm	Công ty Cổ phần Prime Tiên Phong	Việt Nam	Thỏa thuận theo hợp đồng	Giá đã bao gồm vận chuyển toàn tỉnh	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	273,920	273,920	273,920	273,920
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo (400x400x30) mm	m <sup>2</sup>	TCVN 7744 : 2013	(400x400x30) mm, lớp mặt dày 8mm, màu đỏ	Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn cò cầu				98,845	
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo (400x400x30) mm	m <sup>2</sup>	TCVN 7744 : 2013	(400x400x30) mm, lớp mặt dày 8mm, màu đỏ	Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn cò cầu				97,045	
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo (400x400x30) mm	m <sup>2</sup>	TCVN 7744 : 2013	(400x400x30) mm, lớp mặt dày 8mm, màu vàng	Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn cò cầu				97,936	
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo (400x400x30) mm	m <sup>2</sup>	TCVN 7744 : 2013	(400x400x30) mm, lớp mặt dày 8mm, màu vàng	Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn cò cầu				96,136	
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xám và màu đỏ	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2019/BXD	400x400x30 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	68,182			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xanh và màu vàng	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2019/BXD	400x400x30 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	72,727			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xám và màu đỏ	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2019/BXD	600x300x30 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	86,364			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xanh và màu vàng	m <sup>2</sup>	QCVN 16:2019/BXD	600x300x30 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	90,909			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xám và màu đỏ	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	86,364			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xanh và màu vàng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	90,909			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo cao cấp, màu xám và màu đỏ	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	109,091			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo cao cấp, màu xanh và màu vàng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	118,182			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo cao cấp, màu trắng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	145,455			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo cao cấp, màu xám và màu đỏ	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	127,273			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo cao cấp, màu xanh và màu vàng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	136,364			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo cao cấp, màu trắng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	163,636			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo cao cấp, màu xám và màu đỏ	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	127,273			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo cao cấp, màu xanh và màu vàng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thành	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thành, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	136,364			

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo cao cấp, màu trắng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	163,636			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo đá mài nổi thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	218,182			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo đá mài nổi thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	236,364			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo đá mài nổi thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	263,636			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo đá mài nổi thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	236,364			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo đá mài nổi thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	254,545			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo đá mài nổi thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	290,909			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo đá mài nổi thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	236,364			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo đá mài nổi thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	254,545			
Gạch ốp lát	Gạch Terrazo đá mài nổi thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m <sup>2</sup>	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thịnh	Việt Nam	Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thịnh, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 / 10 / 2025 đến khi có thông báo mới	290,909			
Gạch ốp lát	Gạch Viglacera 60x60cm	m <sup>2</sup>		UB, UM, TB, UTB, MDP 60x60cm	Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera	Nhà máy Viglacera Thái Bình	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		255,273	255,273	255,273	255,273
Gạch ốp lát	Gạch Viglacera 80x80cm	m <sup>2</sup>		UB, UM, TB, UTB, MDP 80x80cm	Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera	Nhà máy Viglacera Thái Bình	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		310,909	310,909	310,909	310,909
Gạch ốp lát	Gạch Viglacera 40x80cm	m <sup>2</sup>		UB, UM, TB, UTB, MDP 40x80cm	Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera	Nhà máy Viglacera Thái Bình	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		319,091	319,091	319,091	319,091
Gạch ốp lát	Gạch Viglacera 60x120cm	m <sup>2</sup>		MD-DG1201-02... (Men kim cương)	Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera	Nhà máy Viglacera Thái Bình	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		489,273	489,273	489,273	489,273
Gạch ốp lát	Gạch Viglacera 30x60cm	m <sup>2</sup>		KT 30x60 bông, matt thường (MDP)	Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera	Nhà máy Viglacera Mỹ Đức	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		263,455	263,455	263,455	263,455
Gạch ốp lát	Gạch Viglacera 60x60cm	m <sup>2</sup>		KT 30x60 men bông, matt thường (MDP)	Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera	Nhà máy Viglacera Mỹ Đức	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		255,273	255,273	255,273	255,273
Gạch ốp lát	Gạch Viglacera 30x60cm	m <sup>2</sup>		KT 60x60 MDK	Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera	Nhà máy Viglacera Mỹ Đức	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		297,818	297,818	297,818	297,818
Gạch ốp lát	Gạch Viglacera 60x60cm	m <sup>2</sup>		KT 60x60 men bông, matt thường (MDP)	Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera	Nhà máy Viglacera Mỹ Đức	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		255,273	255,273	255,273	255,273
Gạch ốp lát	Gạch ốp men bông	m <sup>2</sup>		30x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu (Khảo sát tại cửa hàng)	Nhà máy Phomex Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá không đổi	140,000	140,000	140,000	140,000
Gạch ốp lát	Gạch ốp men mờ	m <sup>2</sup>		30x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu (Khảo sát tại cửa hàng)	Nhà máy Phomex Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá không đổi	165,000	165,000	165,000	165,000
Gạch ốp lát	Gạch ốp đá bông - mờ	m <sup>2</sup>		30x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu (Khảo sát tại cửa hàng)	Nhà máy Phomex Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá không đổi	215,000	215,000	215,000	215,000
Gạch ốp lát	Gạch ốp men bông	m <sup>2</sup>		40x80	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu (Khảo sát tại cửa hàng)	Nhà máy Phomex Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá không đổi	195,000	195,000	195,000	195,000
Gạch ốp lát	Gạch ốp đá bông	m <sup>2</sup>		40x80	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu (Khảo sát tại cửa hàng)	Nhà máy Phomex Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá không đổi	235,000	235,000	235,000	235,000
Gạch ốp lát	Gạch lát nền đá	m <sup>2</sup>		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu (Khảo sát tại cửa hàng)	Nhà Máy Vidona	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá không đổi	170,000	170,000	170,000	170,000
Gạch ốp lát	Gạch lát nền đá	m <sup>2</sup>		80x80	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu (Khảo sát tại cửa hàng)	Nhà Máy Vidona	Giá bán trên toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá không đổi	230,000	230,000	230,000	230,000
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Granite bề mặt matt, Poruga (Nhóm Bia) 30x60	m <sup>2</sup>	TCVN 13113:2020	300x600mm	Công ty CP Thạch Bàn Sài Gòn	Việt Nam	Giá sản phẩm là giá đã trừ hết chiết khấu trong tháng, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		276,852	276,852	276,852	276,852
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Granite bề mặt bóng, Poruga, Fosili (Nhóm Bia) 30x60	m <sup>2</sup>	TCVN 13113:2020	300x600mm	Công ty CP Thạch Bàn Sài Gòn	Việt Nam	Giá sản phẩm là giá đã trừ hết chiết khấu trong tháng, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		276,852	276,852	276,852	276,852
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Granite bề mặt matt, Poruga (điểm) (Nhóm Bia) 30x60	m <sup>2</sup>	TCVN 13113:2020	300x600mm	Công ty CP Thạch Bàn Sài Gòn	Việt Nam	Giá sản phẩm là giá đã trừ hết chiết khấu trong tháng, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		304,630	304,630	304,630	304,630
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Granite bề mặt matt, Poruga (sân vườn) (Nhóm Bia) 30x60	m <sup>2</sup>	TCVN 13113:2020	300x600mm	Công ty CP Thạch Bàn Sài Gòn	Việt Nam	Giá sản phẩm là giá đã trừ hết chiết khấu trong tháng, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		406,481	406,481	406,481	406,481
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Granite bề mặt matt, Poruga (Nhóm Bia) 40x80	m <sup>2</sup>	TCVN 13113:2020	400x800mm	Công ty CP Thạch Bàn Sài Gòn	Việt Nam	Giá sản phẩm là giá đã trừ hết chiết khấu trong tháng, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		378,704	378,704	378,704	378,704
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Granite bề mặt bóng, Poruga, Fosili (Nhóm Bia) 40x80	m <sup>2</sup>	TCVN 13113:2020	400x800mm	Công ty CP Thạch Bàn Sài Gòn	Việt Nam	Giá sản phẩm là giá đã trừ hết chiết khấu trong tháng, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		378,704	378,704	378,704	378,704
Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) G 30x30 (màu nhợt)	m <sup>2</sup>	TCVN-7745:2007	300x300mm	Công ty Gốm Sứ Taicera	Việt Nam		Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		196,079	196,079	196,079	196,079
Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) G 40x40 (màu nhợt)	m <sup>2</sup>	TCVN-7745:2007	400x400mm	Công ty Gốm Sứ Taicera	Việt Nam		Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		179,739	179,739	179,739	179,739
Gạch ốp lát	Gạch men (Ceramic) W 30x60	m <sup>2</sup>	TCVN-7745:2007	300x300mm	Công ty Gốm Sứ Taicera	Việt Nam		Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		175,926	175,926	175,926	175,926

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) G60x30 (màu nhạt)	m2	TCVN-7745:2007	300x600mm	Công ty Gốm Sứ Taicera	Việt Nam		Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		266,884	266,884	266,884	266,884
Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) G60x30 (màu đậm)	m2	TCVN-7745:2007	300x600mm	Công ty Gốm Sứ Taicera	Việt Nam		Đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		288,671	288,671	288,671	288,671
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Ceramic K3300x300mm (hộp = 11 viên = 0.99m2); Men bóng & men matt (chảy nhẵn)	m2	QCVN 16:2019/BXD	Hàng loại 1 Hộp = 11 viên = 0.99m2	Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Theo yêu cầu của khách hàng	Giá giao tại chân công trình		174,322	174,322	174,322	174,322
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Ceramic K3300x300mm (hộp = 11 viên = 0.99m2); Men bóng & men matt (chảy định hình)	m2	QCVN 16:2019/BXD	Hàng loại 1 Hộp = 11 viên = 0.99m2	Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Theo yêu cầu của khách hàng	Giá giao tại chân công trình		176,767	176,767	176,767	176,767
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Ceramic K3300x300mm (hộp = 11 viên = 0.99m2); Men bóng & men matt (chảy phẳng + định hình)	m2	QCVN 16:2019/BXD	Hàng loại 1 Hộp = 11 viên = 0.99m2	Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Theo yêu cầu của khách hàng	Giá giao tại chân công trình		184,322	184,322	184,322	184,322
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Ceramic K3300x300mm (hộp = 11 viên = 0.99m2); Men bóng & men matt (chảy nhẵn)	m2	QCVN 16:2019/BXD	Hàng loại 1 Hộp = 11 viên = 0.99m2	Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Theo yêu cầu của khách hàng	Giá giao tại chân công trình		199,656	199,656	199,656	199,656
Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Ceramic K3300x300mm (hộp = 11 viên = 0.99m2); gạch bóng gương trơn (men matt)	m2	QCVN 16:2019/BXD	Hàng loại 1 Hộp = 11 viên = 0.99m2	Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Theo yêu cầu của khách hàng	Giá giao tại chân công trình		209,656	209,656	209,656	209,656
Gạch ốp lát	Gạch lát sân nước Ceramic in KTS, men cạnh, men Matt	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	Hộp = 11 viên = 0.99m2	Công ty Cổ phần TTC	Việt Nam		Giao tại nhà máy		170,000	170,000	170,000	170,000
Gạch ốp lát	Gạch lát sân nước Ceramic in KTS, men cạnh, men Matt	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	Hộp = 6 viên = 0.96m2	Công ty Cổ phần TTC	Việt Nam		Giao tại nhà máy		215,000	215,000	215,000	215,000
Gạch ốp lát	Gạch lát sân nước Ceramic in KTS, men cạnh, men Matt	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	Hộp = 8 viên = 1.44m2	Công ty Cổ phần TTC	Việt Nam		Giao tại nhà máy		190,000	190,000	190,000	190,000
Gạch ốp lát	Gạch lát sân nước Ceramic in KTS, men cạnh, men Matt	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	Hộp = 8 viên = 1.44m2	Công ty Cổ phần TTC	Việt Nam		Giao tại nhà máy		190,000	190,000	190,000	190,000
Gạch ốp lát	Gạch lát sân nước Ceramic in KTS, men cạnh, men Matt	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 13113:2020	Hộp = 4 viên = 1.28m2	Công ty Cổ phần TTC	Việt Nam		Giao tại nhà máy		240,000	240,000	240,000	240,000
Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên	TCVN 1450:2009	80 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Minh Tân	Việt Nam		Giá bán tại khu vực Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (giao tại công trình)				833	
Gạch xây	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 1450:2009	40 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Minh Tân	Việt Nam		Giá bán tại khu vực Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (giao tại công trình)				833	
Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên	TCVN ISO 9001:2008/ISO 9001:2008, M50	80 x 80 x 180 mm	Công ty CP DTXD COSINCO Bến Cầu (phiếu khảo sát tại cửa hàng Cty CP DTXD COSINCO)	Việt Nam		Giá bán tại kho công ty: Tổ 7, Ấp B, xã Trừn Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.			852		
Gạch xây	Gạch thẻ	viên	TCVN ISO 9001:2008/ISO 9001:2008, M50	40 x 80 x 180 mm	Công ty CP DTXD COSINCO Bến Cầu (phiếu khảo sát tại cửa hàng Cty CP DTXD COSINCO)	Việt Nam		Giá bán tại kho công ty: Tổ 7, Ấp B, xã Trừn Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.			852		
Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên		80 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Toàn Tâm- Nhà cung cấp DNTN SX gạch Tuyne Hoàng Bảo Trám (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán ở khu vực huyện Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển		1,200		
Gạch xây	Gạch rỗng 2 lỗ	viên		40 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Toàn Tâm- Nhà cung cấp DNTN SX gạch Tuyne Hoàng Bảo Trám (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán ở khu vực huyện Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển		1,200		
Gạch xây	Gạch rỗng mi	viên		40 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Toàn Tâm- Nhà cung cấp DNTN SX gạch Tuyne Hoàng Bảo Trám (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán ở khu vực huyện Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển		600		
Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên		80 x 80 x 180 mm	Công ty CPXD và VLXD Hài Ngộ- Nhà cung cấp cơ sở gạch Hoàng Gia (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển		950		
Gạch xây	Gạch rỗng 2 lỗ	viên		40 x 80 x 180 mm	Công ty CPXD và VLXD Hài Ngộ- Nhà cung cấp cơ sở gạch Hoàng Gia (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển		950		
Gạch xây	Gạch mi	viên		80 x 80 x 90 mm	Công ty CPXD và VLXD Hài Ngộ- Nhà cung cấp cơ sở gạch Hoàng Gia (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển		475		
Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch ống 4 lỗ	viên	QCVN 16:2019/BXD	80x80x180 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thắng, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán		1,364		
Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch thẻ đặc	viên	QCVN 16:2019/BXD	40x80x180 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thắng, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán		1,273		
Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch xây dựng Block T10	viên	QCVN 16:2019/BXD	90x190x390 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thắng, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán		6,364		
Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch xây dựng Block T20	viên	QCVN 16:2019/BXD	190x190x390 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thắng, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán		12,727		
Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch 2 lỗ	viên	QCVN 16:2019/BXD	80x80x180 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Giá tại khu vực P.Long Hoa, Tây Ninh	Giao tại nhà máy Đại Thắng, giá không bao gồm vận chuyển, giao tại nơi bán		1,182		

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch chữ 1 màu xám 195x160x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				106,500	
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch chữ 1 màu xám 195x160x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				104,500	
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch chữ 1 màu vàng, độ 195x160x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				112,109	
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch chữ 1 màu vàng, độ 195x160x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				110,109	
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch con sủu màu xám 220x110x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				105,150	
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch con sủu màu xám 220x110x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				103,150	
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch con sủu màu vàng, độ 220x110x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				110,627	
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch con sủu màu vàng, độ 220x110x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				108,627	
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch con sủu màu xám ghi 220x110x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán khu vực Gò Dầu	Xe 30 tấn có cầu				111,136	
Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch con sủu màu xám ghi 220x110x60mm, m200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam	Giá bán tại khu vực Trảng Bàng	Xe 30 tấn có cầu				109,136	
Gạch xây	Gạch ống	viên			Cửa hàng VLXD Quốc Toàn - Lò gạch Cẩm Sơn (Phiêu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn huyện Tân Châu	Đã bao gồm phí vận chuyển trong địa bàn huyện	Giá bán tăng				1,300
Gạch xây	Gạch 4 lỗ	viên			Công ty TNHH TM Vật tư xây dựng Phát Đạt	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán tăng			1,300	
Gạch xây	Gạch 2 lỗ	viên			Công ty TNHH TM Vật tư xây dựng Phát Đạt	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán tăng			1,300	
Gạch xây	Gạch mi	viên			Công ty TNHH TM Vật tư xây dựng Phát Đạt	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán tăng			650	
Gạch xây	Gạch 4 lỗ	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán tăng			1,250	
Gạch xây	Gạch 2 lỗ	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán tăng			1,250	
Gạch xây	Gạch mi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán tăng			625	
Gạch xây	Gạch 4 lỗ	viên			Cửa hàng VLXD Minh Hoai	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán tăng			1,400	
Gạch xây	Gạch 2 lỗ	viên			Cửa hàng VLXD Minh Hoai	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán tăng			1,400	
Gạch xây	Gạch mi	viên			Cửa hàng VLXD Minh Hoai	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán tăng			700	
Gạch xây	Gạch ống	viên			Công ty TNHH Dầu tư Xây dựng và Vật liệu Cường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	Giá bán trên 1500 viên, lò gạch Trung Dân				1,110
Gạch xây	Gạch thẻ	viên			Công ty TNHH Dầu tư Xây dựng và Vật liệu Cường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	Có thể kết hợp gọi cùng gạch ống				1,110
Gạch xây	Gạch Demi	viên			Công ty TNHH Dầu tư Xây dựng và Vật liệu Cường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	Có thể kết hợp gọi cùng gạch ống				555
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch ống 4 lỗ SUNKO.	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An - Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm bao quản pallet để bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bù thường 150.000d/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	2,563	2,563	2,563	2,563
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch ống 4 lỗ SUNKO.	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	190x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An - Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm bao quản pallet để bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bù thường 150.000d/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	2,609	2,609	2,609	2,609

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch đĩnh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dĩnh	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An – Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm bảo quản pallet để bên bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bồi thường 150.000đ/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	2,386	2,386	2,386	2,386
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch đĩnh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	190x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dĩnh	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An – Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm bảo quản pallet để bên bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bồi thường 150.000đ/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	2,461	2,461	2,461	2,461
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch đặc SUNKO-SS2010,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x50 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dĩnh	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An – Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm bảo quản pallet để bên bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bồi thường 150.000đ/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	2,216	2,216	2,216	2,216
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch block ngang 200,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x200x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dĩnh	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An – Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm bảo quản pallet để bên bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bồi thường 150.000đ/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	22,755	22,755	22,755	22,755
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch block ngang 100,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x100x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dĩnh	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An – Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm bảo quản pallet để bên bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bồi thường 150.000đ/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	13,620	13,620	13,620	13,620
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch block ngang 150,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x150x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dĩnh	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An – Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm bảo quản pallet để bên bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bồi thường 150.000đ/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	11,450	11,450	11,450	11,450

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch block ngang 190,	viên	QCVN 16:2023/BXD TCVN 6477:2016	390x190x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Đĩnh	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An – Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm báo quan pallet để bên bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bù thường 150.000đ/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	22,293	22,293	22,293	22,293
Gạch xây	Gạch xi măng cốt liệu: Gạch block ngang 90,	viên	QCVN 16:2023/BXD TCVN 6477:2016	390x90x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Đĩnh	Việt Nam	- Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. - Tùy theo đối tượng khách hàng và quy mô khối lượng hàng hóa bán cho từng đối tượng mà doanh nghiệp sẽ có chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu thích hợp.	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM.	Giá bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực tỉnh Long An – Tây Ninh. Hàng được đặt lên pallet, bên mua có trách nhiệm báo quan pallet để bên bán thu hồi. Nếu làm thất thoát bên bán phải chịu trách nhiệm bù thường 150.000đ/pallet. Đơn hàng bán tối thiểu 15.000 viên*	10,845	10,845	10,845	10,845
Sơn	TUYLIPS SEALER Sơn lót kháng kiềm nội thất TKT-122	kg	QCVN16:2023/BXD	Đồng thùng	Công ty cổ phần sản xuất TLG Việt Nam	Việt Nam		Đến chân công trình		48,000	48,000	48,000	48,000
Sơn	TUYLIPS INT SUPER SEALER Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp: TKT-123	kg	QCVN16:2023/BXD	Đồng thùng	Công ty cổ phần sản xuất TLG Việt Nam	Việt Nam		Đến chân công trình		62,000	62,000	62,000	62,000
Sơn	TUYLIPS SUPER PRIMER Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp: TKS-222	kg	QCVN16:2023/BXD	Đồng thùng	Công ty cổ phần sản xuất TLG Việt Nam	Việt Nam		Đến chân công trình		91,000	91,000	91,000	91,000
Sơn	TUYLIPS SILVER Sơn mịn nội thất cao cấp: TT-125	kg	QCVN16:2023/BXD	Đồng thùng	Công ty cổ phần sản xuất TLG Việt Nam	Việt Nam		Đến chân công trình		34,000	34,000	34,000	34,000
Sơn	Bột trét tường: bột NIPPON INTER nội thất	kg		40 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực thị xã Hòa Thành	Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		351,000			
Sơn	Bột trét tường: bột NIPPON WEATHERBOND ngoại thất	kg		40 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực thị xã Hòa Thành	Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		405,000			
Sơn	Sơn lót kiềm: Nippon Matex Sealer nội thất	kg		27 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực thị xã Hòa Thành	Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		1,445,400			
Sơn	Sơn lót kiềm: Nippon Supematex Sealer ngoại thất	kg		27 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực thị xã Hòa Thành	Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		2,259,000			
Sơn	Sơn phủ nội thất: Nippon Odour-Less kháng khuẩn	kg		21 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực thị xã Hòa Thành	Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		2,753,100			
Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Putty	kg	TCVN 7239:2014	40 kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)	Việt Nam		Không có thông tin		9,300	9,300	9,300	9,300
Sơn	Sơn lót nội thất: Matex Sealer	lit	QCVN 16:2023/BXD	17 L; 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)	Việt Nam		Không có thông tin		118,600	118,600	118,600	118,600
Sơn	Sơn lót ngoại thất: Nippon WeatherCard Sealer	lit	QCVN 16:2023/BXD	18 L; 15L; 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)	Việt Nam		Không có thông tin		298,200	298,200	298,200	298,200
Sơn	Sơn nội thất: Odour - Less Sealer	lit	QCVN 16:2023/BXD	15 L; 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)	Việt Nam		Không có thông tin		245,600	245,600	245,600	245,600
Sơn	Sơn giao thông lót	kg			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	94,100	94,100	94,100	94,100
Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phân quang tiêu chuẩn TCVN/JFPT25	kg			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	31,100	31,100	31,100	31,100
Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạch (màu trắng, đen) (JOWAY)	kg			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	153,000	153,000	153,000	153,000
Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạch (màu vàng, đỏ) (JOWAY)	kg			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	190,500	190,500	190,500	190,500
Sơn	Hạt phân quang	kg			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	25,000	25,000	25,000	25,000
Sơn	Jothner Joway	kg			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	86,000	86,000	86,000	86,000
Sơn	Sơn phủ (LOTUS)	thùng			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	5,755,300	5,755,300	5,755,300	5,755,300
Sơn	Sơn lót (PROS Dự Án)	thùng			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	2,855,000	2,855,000	2,855,000	2,855,000
Sơn	Bột trét nội thất SP: FILLER Siêu trắng	bao			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	331,000	331,000	331,000	331,000
Sơn	Bột trét ngoại thất JOTON trắng	bao			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	414,000	414,000	414,000	414,000
Sơn	Sơn nước nội thất SENIOR	thùng			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	1,782,000	1,782,000	1,782,000	1,782,000
Sơn	Sơn nước ngoại thất JONY	thùng			Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Son	Son giao thông vàng 20% hạt phân quang	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	33,000	33,000	33,000	33,000
Son	Son giao thông trắng 30% hạt phân quang	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	44,100	44,100	44,100	44,100
Son	Son giao thông vàng 30% hạt phân quang	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	46,500	46,500	46,500	46,500
Son	Son clear phân quang	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	212,000	212,000	212,000	212,000
Son	Son lót Epoxy góc dầu	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bó	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	178,500	178,500	178,500	178,500
Son	Son phủ Epoxy góc dầu (trong nhà)	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bó	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	414,100	414,100	414,100	414,100
Son	Son lót Epoxy góc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bó	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	185,000	185,000	185,000	185,000
Son	Matix góc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	20kg/bó	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	74,000	74,000	74,000	74,000
Son	Son phủ Epoxy góc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	6,5kg/bó	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	427,500	427,500	427,500	427,500
Son	Bột trét Passion Ext	bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	597,000	597,000	597,000	597,000
Son	Son phủ Peace	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh.	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	2,792,800	2,792,800	2,792,800	2,792,800
Son	Son lót (PROSIN Dư Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	1,786,500	1,786,500	1,786,500	1,786,500
Son	Bột trét (PASSION INT)	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	451,000	451,000	451,000	451,000
Son	Bột trét nội và ngoại thất JOTON BEST COAT	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	494,000	494,000	494,000	494,000
Vật liệu khác	Keo dán gạch	bao	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	25 kg/bao	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	285,500	285,500	285,500	285,500
Vật liệu khác	Bột chà ron	hộp	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 kg/hộp	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	75,500	75,500	75,500	75,500
son	Son nước Nội Thất SENIOR	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	534,000	534,000	534,000	534,000
son	Son nước Nội Thất EXFA	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	973,000	973,000	973,000	973,000
son	SON nước ngoại thất FA	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000
son	SON nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	1,266,500	1,266,500	1,266,500	1,266,500
son	SON nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	01 lít/lon	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	302,000	302,000	302,000	302,000
son	Son nước ngoại thất JONY	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	867,500	867,500	867,500	867,500

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
son	Sơn chất thẩm gốc dầu	lon	TCVN 7239:2014	06 lít/lon	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	1,693,000	1,693,000	1,693,000	1,693,000
son	Sơn chất thẩm gốc dầu	thùng	TCVN 7239:2014	18,5 kg/thùng	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	2,539,500	2,539,500	2,539,500	2,539,500
son	Sơn sắt mạ kẽm	thùng	TCCS SD13-14:2020/LQJT	20 kg/thùng	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	4,843,000	4,843,000	4,843,000	4,843,000
son	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	03 lít/lon	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	812,000	812,000	812,000	812,000
son	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	0,8 lít/lon	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	217,500	217,500	217,500	217,500
son	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	0,45 lít/lon	Công ty CP L.Q.JOTON	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua. Điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 31/12/2025 đến khi có thông báo mới	131,000	131,000	131,000	131,000
Son	Sản phẩm sơn phủ nội thất: SKEY S600	lít	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam	Số lượng tùy thuộc theo đơn hàng (bao vận chuyển và không có vận chuyển), giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		299,091	299,091	299,091	299,091
Son	Sản phẩm sơn phủ nội thất: SKEY S600	lít	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam	Số lượng tùy thuộc theo đơn hàng (bao vận chuyển và không có vận chuyển), giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		956,364	956,364	956,364	956,364
Son	Sản phẩm sơn phủ nội thất: GOECO S610	lít	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam	Số lượng tùy thuộc theo đơn hàng (bao vận chuyển và không có vận chuyển), giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		584,545	584,545	584,545	584,545
Son	Sản phẩm sơn phủ nội thất: GOECO S610	lít	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam	Số lượng tùy thuộc theo đơn hàng (bao vận chuyển và không có vận chuyển), giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,895,455	1,895,455	1,895,455	1,895,455
Son	Sản phẩm sơn phủ nội thất, bóng: TANI CLEAN S620	lít	QCVN 16:2019/BXD	1L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam	Số lượng tùy thuộc theo đơn hàng (bao vận chuyển và không có vận chuyển), giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		314,545	314,545	314,545	314,545
Son	Sản phẩm sơn phủ nội thất, bóng: TANI CLEAN S620	lít	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam	Số lượng tùy thuộc theo đơn hàng (bao vận chuyển và không có vận chuyển), giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,355,455	1,355,455	1,355,455	1,355,455
Son	bột trét tường ngoại thất MORICHI	bao	TCVN 7239:2014	bao 40kg	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh (khu vực huyện, thị xã vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng mua)	490,000	490,000	490,000	490,000	
Son	bột trét tường nội thất MORICHI	bao	TCVN 7239:2014	bao 40kg	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh (khu vực huyện, thị xã vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng mua)	373,000	373,000	373,000	373,000	
Son	Sơn ngoại thất MORICHI	lon	QCVN 16:2019/BXD	05L	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh (khu vực huyện, thị xã vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng mua)	414,000	414,000	414,000	414,000	
Son	Sơn nội thất MORICHI	lon	QCVN 16:2019/BXD	05L	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh (khu vực huyện, thị xã vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng mua)	315,000	315,000	315,000	315,000	
Son	Sơn phủ nội thất cao cấp MORICHI GARNET kháng khuẩn	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh (khu vực huyện, thị xã vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng mua)	1,656,000	1,656,000	1,656,000	1,656,000	
Son	Sơn chống thấm đa năng MORICHI LOCK	thùng	QCVN 16:2019/BXD	20kg	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh (khu vực huyện, thị xã vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng mua)	3,365,000	3,365,000	3,365,000	3,365,000	
Son	DULUX WEATHERSHIELD Bê mặt mờ - sơn ngoại nhà	lon	QCVN 16:2019/BXD	1 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)-Công ty TNHH Sơn Akzo Nobel Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	344,000	344,000	344,000	344,000	
Son	DULUX WEATHERSHIELD Bê mặt mờ - sơn ngoại nhà	lon	QCVN 16:2019/BXD	5 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)-Công ty TNHH Sơn Akzo Nobel Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	1,542,000	1,542,000	1,542,000	1,542,000	
Son	DULUX WEATHERSHIELD Bê mặt mờ - sơn ngoại nhà	thùng	QCVN 16:2019/BXD	15 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)-Công ty TNHH Sơn Akzo Nobel Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	4,394,000	4,394,000	4,394,000	4,394,000	
Son	Unimax siêu bóng ngoại thất	lon	QCVN 16:2019/BXD	1 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)-Công ty CP Sơn và chống thấm Việt Nhật	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	218,182	218,182	218,182	218,182	

Nhóm	Tên vật liệu/vật xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Son	Unimax siêu bóng ngoại thất	thùng	QCVN 16:2019/BXD	5 lit	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)-Công ty CP Sơn và Chăm sóc Việt Nhật	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,084,545	1,084,545	1,084,545	1,084,545
Son	Son nước cao cấp ngoại trời GOLDSUN (nhóm màu chuẩn)	lon	QCVN 16:2019/BXD	1 lit	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)-Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		321,818	321,818	321,818	321,818
Son	Son nước cao cấp ngoại trời GOLDSUN (nhóm màu chuẩn)	thùng	QCVN 16:2019/BXD	5 lit	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)-Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,571,818	1,571,818	1,571,818	1,571,818
Son	Son nội thất cao cấp mờ từ nhện Mykolor Touch low color	lon	QCVN 16:2019/BXD	1 lit	Công ty TNHH TMDV XD Đăng Phát (Nhà phân phối)- Cty 4 Orange	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình địa bàn tỉnh Tây Ninh		384,000	384,000	384,000	384,000
Son	Son nội thất cao cấp mờ từ nhện Mykolor Touch low color	lon	QCVN 16:2019/BXD	4.5 lit	Công ty TNHH TMDV XD Đăng Phát (Nhà phân phối)- Cty 4 Orange	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình địa bàn tỉnh Tây Ninh		1,780,000	1,780,000	1,780,000	1,780,000
Son	Son nước nội thất cao cấp bóng hoàn hảo Mykolor Touch premium finish for Int	lon	QCVN 16:2019/BXD	4.5 lit	Công ty TNHH TMDV XD Đăng Phát (Nhà phân phối)- Cty 4 Orange	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình địa bàn tỉnh Tây Ninh		1,450,000	1,450,000	1,450,000	1,450,000
Son	Son nước nội thất cao cấp bóng hoàn hảo Mykolor Touch premium finish for Int	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lit	Công ty TNHH TMDV XD Đăng Phát (Nhà phân phối)- Cty 4 Orange	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình địa bàn tỉnh Tây Ninh		4,638,000	4,638,000	4,638,000	4,638,000
Son	Son nước nội thất cao cấp bóng mờ Mykolor Touch neo matte for Int	lon	QCVN 16:2019/BXD	4.5 lit	Công ty TNHH TMDV XD Đăng Phát (Nhà phân phối)- Cty 4 Orange	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình địa bàn tỉnh Tây Ninh		1,216,000	1,216,000	1,216,000	1,216,000
Son	Son nước nội thất cao cấp bóng mờ Mykolor Touch neo matte for Int	thùng	QCVN 16:2019/BXD	15 lit	Công ty TNHH TMDV XD Đăng Phát (Nhà phân phối)- Cty 4 Orange	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình địa bàn tỉnh Tây Ninh		4,108,000	4,108,000	4,108,000	4,108,000
Son	bột trét tường nội thất cao cấp Mykolor Touch powder matt for interior	bao	TCCS 974.10.2017/4 ORANGCE	40kg	Công ty TNHH TMDV XD Đăng Phát (Nhà phân phối)- Cty 4 Orange	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình địa bàn tỉnh Tây Ninh		407,000	407,000	407,000	407,000
Son	bột trét tường ngoại thất cao cấp Mykolor Touch powder matt for int & ext	bao	TCCS 642.10.2018/4 ORANGCE	40kg	Công ty TNHH TMDV XD Đăng Phát (Nhà phân phối)- Cty 4 Orange	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình địa bàn tỉnh Tây Ninh		466,000	466,000	466,000	466,000
Son	bột trét nội thất mịn VETONIC	bao	TCCS 02:2020/DURA-BT	40kg	Công ty Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		300,000	300,000	300,000	300,000
Son	LAVENDER NỘI THẤT MIN ECO	lon	QCVN 16:2019/BXD	0.5 lit	Công ty Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		222,000	222,000	222,000	222,000
Son	LAVENDER NỘI THẤT MIN ECO	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lit	Công ty Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		705,000	705,000	705,000	705,000
Son	LAVENDER NGOẠI THẤT ĐA DỤNG	lon	QCVN 16:2019/BXD	0.5 lit	Công ty Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		518,000	518,000	518,000	518,000
Son	LAVENDER NGOẠI THẤT ĐA DỤNG	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lit	Công ty Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		1,711,000	1,711,000	1,711,000	1,711,000
Son	Son lót nội và ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lon	TCCS 03:2020/SL-DR	0.5 lit	Công ty Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		596,000	596,000	596,000	596,000
Son	Son lót nội và ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	thùng	TCCS 03:2020/SL-DR	18 lit	Công ty Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		1,947,000	1,947,000	1,947,000	1,947,000
Son	bột trét nội và ngoại thất	kg	TCVN 7239:2014	40kg	Công ty CP Sơn Jymec	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới trung tâm Huyện-Thị xã-Thành Phố		11,227	11,227	11,227	11,227
Son	Son lót chống kiềm nội thất	kg	TCVN 8652:2020	24kg	Công ty CP Sơn Jymec	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới trung tâm Huyện-Thị xã-Thành Phố		123,955	123,955	123,955	123,955
Son	Son lót chống kiềm ngoại thất	kg	TCVN 8652:2020	24kg	Công ty CP Sơn Jymec	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới trung tâm Huyện-Thị xã-Thành Phố		163,455	163,455	163,455	163,455
Son	Son nội thất siêu trắng	kg	QCVN 16:2019/BXD	23kg	Công ty CP Sơn Jymec	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới trung tâm Huyện-Thị xã-Thành Phố		79,130	79,130	79,130	79,130
Son	Son nước mịn ngoại thất	kg	QCVN 16:2019/BXD	23kg	Công ty CP Sơn Jymec	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới trung tâm Huyện-Thị xã-Thành Phố		108,735	108,735	108,735	108,735
Son	Son chống thấm	kg	QCVN 16:2019/BXD	20kg	Công ty CP Sơn Jymec	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới trung tâm Huyện-Thị xã-Thành Phố		177,091	177,091	177,091	177,091
Son	Bột trét Nippon Interior Putty	bao		40kg	Đại lý sơn Thiên Long - Nhà phân phối sơn Nippon huyện Bến Cầu - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	341,667	341,667	341,667	341,667
Son	Son lót Nội Thất Matex Sealer	thùng		17 lit	Đại lý sơn Thiên Long - Nhà phân phối sơn Nippon huyện Bến Cầu - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	1,734,259	1,734,259	1,734,259	1,734,259
Son	Son lót nội thất Odour-less Sealer	thùng		18 lit	Đại lý sơn Thiên Long - Nhà phân phối sơn Nippon huyện Bến Cầu - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	3,257,407	3,257,407	3,257,407	3,257,407
Son	Son phủ nội thất Nippon Paint SPOT-LESS PLUS	thùng		15 lit	Đại lý sơn Thiên Long - Nhà phân phối sơn Nippon huyện Bến Cầu - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	4,935,185	4,935,185	4,935,185	4,935,185
Son	Bột trét Nippon Exterior Putty	bao		40 kg	Đại lý sơn Thiên Long - Nhà phân phối sơn Nippon huyện Bến Cầu - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	449,074	449,074	449,074	449,074
Son	Son lót ngoại thất WeatherGard Sealer	thùng		18 lit	Đại lý sơn Thiên Long - Nhà phân phối sơn Nippon huyện Bến Cầu - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	4,525,000	4,525,000	4,525,000	4,525,000
Son	Son lót ngoại trời Super Matex Sealer	thùng		17 lit	Đại lý sơn Thiên Long - Nhà phân phối sơn Nippon huyện Bến Cầu - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	2,788,889	2,788,889	2,788,889	2,788,889
Son	Son nước ngoại thất Nippon WeatherGard Plus®	thùng		5 lit	Đại lý sơn Thiên Long - Nhà phân phối sơn Nippon huyện Bến Cầu - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	2,505,556	2,505,556	2,505,556	2,505,556
Son	Son nội thất cao cấp Kova K-871 Plus (bàn bóng, bóng - Nền S)	thùng		16 lit	Đại lý sơn Hoàng Trung - Nhà phân phối sơn Kova huyện Hòa Thành - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	4,773,148	4,773,148	4,773,148	4,773,148

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Son	Son nội thất cao cấp Kova K-5500 Plus (mô, Bông mô, bản sơn - nền S)	thùng		3,5 lit	Đại lý sơn Hoàng Trung - Nhà phân phối sơn Kova huyện Hòa Thành - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	972,222	972,222	972,222	972,222
Son	Son nội thất Kova K-260 Plus (mô - nền S)	thùng		16 lit	Đại lý sơn Hoàng Trung - Nhà phân phối sơn Kova huyện Hòa Thành - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	2,564,815	2,564,815	2,564,815	2,564,815
Son	Son nội thất Kova K-203 Plus (mô - nền S)	thùng		3,5 lit	Đại lý sơn Hoàng Trung - Nhà phân phối sơn Kova huyện Hòa Thành - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	412,037	412,037	412,037	412,037
Son	Son nội thất Kova Fix Up (mô - nền S)	thùng		16 lit	Đại lý sơn Hoàng Trung - Nhà phân phối sơn Kova huyện Hòa Thành - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	1,819,444	1,819,444	1,819,444	1,819,444
Son	Son nội thất Kova Vista++ (mô - nền S)	thùng		3,5 lit	Đại lý sơn Hoàng Trung - Nhà phân phối sơn Kova huyện Hòa Thành - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	319,444	319,444	319,444	319,444
Son	Son nội thất Kova Fit (mô - nền S)	thùng		16 lit	Đại lý sơn Hoàng Trung - Nhà phân phối sơn Kova huyện Hòa Thành - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	1,393,519	1,393,519	1,393,519	1,393,519
Son	Son lót nội thất kháng kiềm Kova K-109	thùng		3,5 lit	Đại lý sơn Hoàng Trung - Nhà phân phối sơn Kova huyện Hòa Thành - Tây Ninh (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Giá không đổi	250,000	250,000	250,000	250,000
	bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CITY	bao	TCVN 7239:2014	40kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	627,778	627,778	627,778	627,778
Son	bột trét nội thất cao cấp KOVA CITY	bao	TCVN 7239:2014	40kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	474,074	473,636	473,636	473,636
	Bột trét nội thất KOVA DX	bao	TCVN 7239:2014	40kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	463,889	463,889	463,889	463,889
	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus sản	thùng	TCVN 12692:2020	22kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	3,454,630	3,454,630	3,454,630	3,454,630
	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus tương	thùng	TCVN 12692:2020	22kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	3,318,519	3,318,519	3,318,519	3,318,519
	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A PU sản mái	thùng	TCCS 262.2024/KOVANANOPRO	22kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	3,863,889	3,863,889	3,863,889	3,863,889
	Chất chống thấm màu KOVA CT-11A Color	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 22kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	4,713,889	4,713,889	4,713,889	4,713,889
	Chất phụ gia chống thấm KOVACT11B	thùng	TCCS 15.2018/KOVANANOPRO	Thùng 4kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	616,667	616,667	616,667	616,667
	Mastic dẻo KOVAĐa năng	thùng	TCCS204.2023/KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	953,704	953,704	953,704	953,704
	Mastic Epoxy KOVA KL-5 sản	bộ	TCCS75.2018/KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	788,889	788,889	788,889	788,889
	Mastic chiu am KOVASK-6	bộ	TCCS86.2018/KOVANANOPRO	Bộ 10kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	900,000	900,000	900,000	900,000
	Keo KOVA Clear Nano	lon	TCCS221.2024/KOVANANOPRO	lon 1L	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	318,519	318,519	318,519	318,519
	Keo KOVA Clear	thùng	TCCS203.2023/KOVANANOPRO	Thùng 4L	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,091,667	1,091,667	1,091,667	1,091,667
	Son công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 Tương	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS72.2018/KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,997,222	1,997,222	1,997,222	1,997,222
	Son công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 Tương kháng hóa	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS74.2018/KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	2,273,147	2,273,147	2,273,147	2,273,147
	Son công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sản	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS71.2018/KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,997,222	1,997,222	1,997,222	1,997,222
	Son công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sản kháng hóa	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS73.2018/KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	2,273,148	2,273,148	2,273,148	2,273,148
	Son lót epoxy Tự làm phẳng KOVA Self-leveling - Màu nhạt	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS106.2018/KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,089,815	1,089,815	1,089,815	1,089,815
	Son ngoại thất chống nắng đa năng KOVA CN-05	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 20kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	5,232,407	5,232,407	5,232,407	5,232,407
	Son chống gỉ hệ nước KOVA KG-01	thùng	TCVS79.-2018/KOVANANOPRO	Thùng 5kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,787,037	1,787,037	1,787,037	1,787,037
	Son Di Nghệ Thuật KOVA Art Stone	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS65.2018/KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	4,646,296	4,646,296	4,646,296	4,646,296
	Son lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207	thùng	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lit	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	2,759,259	2,759,259	2,759,259	2,759,259
	Son lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209	thùng	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lit	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	3,573,148	3,573,148	3,573,148	3,573,148
	Son lót nội thất kháng kiềm Kova K-109	thùng	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lit	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,912,963	1,912,963	1,912,963	1,912,963
	Son ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Bền Màu	thùng	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lit	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	6,546,296	6,546,296	6,546,296	6,546,296
	Son ngoại thất cao cấp KOVACT-04 Chống Thấm	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lit	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	5,727,778	5,727,778	5,727,778	5,727,778
	Son ngoại thất cao cấp KOVA K-5501 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lit	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	4,435,185	4,435,185	4,435,185	4,435,185
	Son ngoại thất KOVA K-261 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lit	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	3,073,148	3,073,148	3,073,148	3,073,148

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Sơn ngoại thất KOVA K-265 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXD QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	2,697,222	2,697,222	2,697,222	2,697,222
	Sơn ngoại thất Tự Lãm Sạch siêu cao cấp KOVA NANOPRO SELF E	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 3.5L	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,983,333	1,983,333	1,983,333	1,983,333
	Sơn ngoại thất KOVA Art Metallic	lon	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Lon 1kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	606,481,481	606,481,481	606,481,481	606,481,481
	Sơn nội thất cao cấp KOVA K-5500 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	4,140,741	4,140,741	4,140,741	4,140,741
	Sơn nội thất cao cấp KOVA K-871 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	4,549,074	4,549,074	4,549,074	4,549,074
	Sơn nội thất KOVA FIT	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,013,889	1,013,889	1,013,889	1,013,889
	Sơn nội thất KOVA Fix Up	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,730,556	1,730,556	1,730,556	1,730,556
	Sơn nội thất KOVA K-203 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,712,963	1,712,963	1,712,963	1,712,963
	Sơn nội thất KOVA K-260 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	2,443,519	2,443,519	2,443,519	2,443,519
	Sơn nội thất KOVA VISTA++	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,325,000	1,325,000	1,325,000	1,325,000
	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Che Lấp vết Nứt	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	6,637,037	6,637,037	6,637,037	6,637,037
	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-09 Extra	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	7,546,296	7,546,296	7,546,296	7,546,296
	Sơn nội thất cao cấp KOVA Home Love	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	4,363,889	4,363,889	4,363,889	4,363,889
	Sơn nội thất KOVA Effective 2in 1	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	2,687,037	2,687,037	2,687,037	2,687,037
	Sơn nội thất KOVA Effective Siêu Dầm Phủ	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,809,259	1,809,259	1,809,259	1,809,259
	Sơn nội thất KOVA Effective Min Màng	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,554,630	1,554,630	1,554,630	1,554,630
	Sơn nội thất KOVA Effective Trơn Lót	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,173,148	1,173,148	1,173,148	1,173,148
	Sơn lót nội thất không kiềm KOVA Effective Ultra	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	2,263,889	2,263,889	2,263,889	2,263,889
	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA Home Safe	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	4,246,296	4,246,296	4,246,296	4,246,296
	Sơn ngoại thất KOVA Effective Màu Lâu Phai	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	3,373,148	3,373,148	3,373,148	3,373,148
	Sơn ngoại thất KOVA Effective Chuyên dụng	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	2,718,519	2,718,519	2,718,519	2,718,519
	Sơn lót ngoại thất không kiềm KOVA Effective	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	2,646,296	2,646,296	2,646,296	2,646,296
	Sơn lót ngoại thất không kiềm KOVA Effective Ultra	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 16 lít	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	3,518,519	3,518,519	3,518,519	3,518,519
	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu Catalogue	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 25kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	6,709,259	6,709,259	6,709,259	6,709,259
	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu tự nhiên màu Catalogue	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 25kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	7,891,667	7,891,667	7,891,667	7,891,667
	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) - Màu Catalogue	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 25kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	9,400,000	9,400,000	9,400,000	9,400,000
	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) - Màu tự nhiên màu	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 25kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	10,377,778	10,377,778	10,377,778	10,377,778
	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Trắng	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 25kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	5,509,259	5,509,259	5,509,259	5,509,259
	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Đen/Vàng/Đỏ	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 25kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	6,650,926	6,650,926	6,650,926	6,650,926
	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 (có phản quang) - Trắng/Xanh/Đỏ	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023:BXO QCVN 08:2020:BCT	Thùng 20kg	Tập Đoàn Sơn KOVA - Công Ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam	bán lẻ	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	9,223,148	9,223,148	9,223,148	9,223,148
Son	Sơn phủ nội thất Sammy Eco Matt - SCI	thùng	QCVN 16:2023:BXO	23 kg	Công Ty CP Lavis Brother Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		772,727	772,727	772,727	772,727
Son	Sơn phủ nội thất Lavisson Amsterdam Sammy	thùng	QCVN 16:2023:BXO	17 kg	Công Ty CP Lavis Brother Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,422,727	1,422,727	1,422,727	1,422,727
Son	Sơn phủ ngoại thất Sammy Eco Tex	thùng	QCVN 16:2023:BXO	23 kg	Công Ty CP Lavis Brother Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,845,455	1,845,455	1,845,455	1,845,455
Son	Sơn phủ ngoại thất Lavisson Amsterdam Tex Extra	thùng	QCVN 16:2023:BXO	17 kg	Công Ty CP Lavis Brother Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		2,004,545	2,004,545	2,004,545	2,004,545
Son	Sơn phủ lót Sammy Eco Scaler	thùng	QCVN 16:2023:BXO	23 kg	Công Ty CP Lavis Brother Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,409,091	1,409,091	1,409,091	1,409,091
Son	Sơn phủ lót Lavisson Amsterdam Fix	thùng	QCVN 16:2023:BXO	17 kg	Công Ty CP Lavis Brother Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Son	bột bả Lavisson Amsterdam Exterior Putty - LA503	bao	TCVN 7239:2014	40 kg	Công Ty CP Lavis Brother Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		318,182	318,182	318,182	318,182
Son	bột bả Lavisson Amsterdam Exterior Putty - LA502	bao	TCVN 7239:2014	40 kg	Công Ty CP Lavis Brother Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		363,636	363,636	363,636	363,636
Son	Sơn đá hạt	thùng		25kg	Trung tâm pha màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH PUMA PAINT Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	2,850,909	2,850,909	2,850,909	2,850,909
Son	Sơn giả đá	thùng		20kg	Trung tâm pha màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH PUMA PAINT Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	4,263,636	4,263,636	4,263,636	4,263,636
Son	bột tét cao cấp trong nhà SKY BLUE 444	bao		40kg	Trung tâm pha màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH PUMA PAINT Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	278,182	278,182	278,182	278,182
Son	Sơn chống thấm cho mái ngói, tường đứng, vách song. Chịu thời tiết, kháng tia UV tử, có 18 màu chuẩn WEATHER GOLD.	thùng		20kg	Trung tâm pha màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH PUMA PAINT Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	3,616,364	3,616,364	3,616,364	3,616,364
Son	Sơn giả bê tông	thùng		5kg	Trung tâm pha màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH PUMA PAINT Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	1,336,364	1,336,364	1,336,364	1,336,364
Son	Sơn phủ nội thất Vini 111	thùng	QCVN 16:2023	17 lit	Công ty TNHH PUMA Paint Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		563,636	563,636	563,636	563,636
Son	Sơn phủ ngoại thất Vini 222	thùng	QCVN 16:2023	17 lit	Công ty TNHH PUMA Paint Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		1,361,818	1,361,818	1,361,818	1,361,818
Son	Sơn lót nội và ngoại thất 2-1	thùng	QCVN 16:2023	17 lit	Công ty TNHH PUMA Paint Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		1,265,455	1,265,455	1,265,455	1,265,455
Son	PM 717 CEMENT MEMBRANE	bó	BS EN 14891:2017	35 kg	Công ty TNHH PUMA Paint Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		1,903,636	1,903,636	1,903,636	1,903,636
Son	Sơn phủ ngoại thất ECO PRO	thùng	QCVN 16:2019/BXD	25 kg	Công ty TNHH PUMA Paint Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		3,096,364	3,096,364	3,096,364	3,096,364
Son	Sơn phủ nội thất ECO PLAST	thùng	QCVN 16:2019/BXD	25 kg	Công ty TNHH PUMA Paint Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		1,230,909	1,230,909	1,230,909	1,230,909
Son	Sơn ngoại thất bảo vệ tô đá Schield 8	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		3,107,407	3,107,407	3,107,407	3,107,407
Son	Sơn ngoại thất siêu hạng Xshield 12	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		3,561,111	3,561,111	3,561,111	3,561,111
Son	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	thùng	QCVN 16:2019/BXD	20 kg	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		4,620,370	4,620,370	4,620,370	4,620,370
Son	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		4,887,963	4,887,963	4,887,963	4,887,963
Son	Sơn chống thấm pha xi măng Extra Proof	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 kg	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển		3,981,481	3,981,481	3,981,481	3,981,481
Son	Sơn tường dạng nhũ tương - sơn phủ nội thất: Sơn nội thất Dulux Professional sơn nội thất A500; Dulux Professional Interior A500	lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 15/ANP		Công ty TNHH AkzoNobel Việt Nam	Việt Nam		Địa điểm giao hàng từ nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh. Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển.		66,444	66,444	66,444	66,444
Son	Sơn tường dạng nhũ tương - sơn phủ nội thất: Sơn nội thất Dulux Professional Diamond care kháng khuẩn; Dulux Professional Diamond care	lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 15/ANP		Công ty TNHH AkzoNobel Việt Nam	Việt Nam		Địa điểm giao hàng từ nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh. Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển.		241,944	241,944	241,944	241,944
Son	Sơn tường dạng nhũ tương - sơn phủ nội thất: Sơn nội thất Dulux Professional Diamond A1000; Dulux Professional Diamond A1000	lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 34/ANP		Công ty TNHH AkzoNobel Việt Nam	Việt Nam		Địa điểm giao hàng từ nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh. Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển.		234,500	234,500	234,500	234,500
Son	Sơn tường dạng nhũ tương - sơn phủ nội thất: Dulux Professional sơn nội thất kháng khuẩn; Dulux Professional Interior Anti-Bacteria	lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 61/ANP		Công ty TNHH AkzoNobel Việt Nam	Việt Nam		Địa điểm giao hàng từ nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh. Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển.		98,944	98,944	98,944	98,944
Son	Sơn tường dạng nhũ tương - sơn phủ nội thất: Dulux Professional sơn nội thất A390; Dulux Professional Interior A390	lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 101/ANP		Công ty TNHH AkzoNobel Việt Nam	Việt Nam		Địa điểm giao hàng từ nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh. Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển.		48,278	48,278	48,278	48,278
Son	Sơn tường dạng nhũ tương - sơn phủ nội thất: Sơn nội thất lau chùi vượt trội Dulux Professional; Interior Washable Dulux Professional Interior Washable	lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 14/ANP		Công ty TNHH AkzoNobel Việt Nam	Việt Nam		Địa điểm giao hàng từ nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh. Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển.		111,556	111,556	111,556	111,556
Son	Sơn tường dạng nhũ tương - sơn phủ nội thất: Sơn nội thất lau chùi Dulux Professional; Interior Cleanable Dulux Professional Interior Cleanable	lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 36/ANP		Công ty TNHH AkzoNobel Việt Nam	Việt Nam		Địa điểm giao hàng từ nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh. Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển.		86,111	86,111	86,111	86,111
Son	Sơn tường dạng nhũ tương - sơn phủ ngoại thất: Dulux Professional sơn ngoại thất E700; Dulux Professional Exterior E700	lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 19/ANP		Công ty TNHH AkzoNobel Việt Nam	Việt Nam		Địa điểm giao hàng từ nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh. Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển.		156,889	156,889	156,889	156,889
Son	Bột tét nội thất cao cấp KOVA CITY	kg	TCVN 7239:2014	40kg	NPP Sơn & Chống thấm Công ty TNHH Đại Phát (phần phối sản phẩm Công ty TNHH Kova Nanopro)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh.		12,727	12,727	12,727	12,727
Son	Sơn lót nội thất kháng kiềm Kova Effective Ultra	lit	QCVN 16:2023/BXD	16L, 3,5L	NPP Sơn & Chống thấm Công ty TNHH Đại Phát (phần phối sản phẩm Công ty TNHH Kova Nanopro)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh.		143,636	143,636	143,636	143,636

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Son	Son sợi thắt Kova Effective Zin1 (Màu trắng)	lit	TCVN 8652:2020	16L; 3.5L	NPP Son & Chống thấm Công ty TNHH Đại Phát (phần phối sản phẩm Công ty TNHH Kova Nanopro)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh		168,182	168,182	168,182	168,182
Son	bột sét ngoại thất cao cấp KOVA CITY	kg	TCVN 7239:2014	40kg	NPP Son & Chống thấm Công ty TNHH Đại Phát (phần phối sản phẩm Công ty TNHH Kova Nanopro)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh		16,364	16,364	16,364	16,364
Son	Son lót ngoại thất kháng kiềm Kova Effective Ultra	lit	QCVN 16:2023/BXD	16L; 3.5L	NPP Son & Chống thấm Công ty TNHH Đại Phát (phần phối sản phẩm Công ty TNHH Kova Nanopro)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh		222,727	222,727	222,727	222,727
Son	Son lót ngoại thất kháng kiềm Kova Effective	lit	QCVN 16:2023/BXD	16L; 3.5L	NPP Son & Chống thấm Công ty TNHH Đại Phát (phần phối sản phẩm Công ty TNHH Kova Nanopro)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh		168,182	168,182	168,182	168,182
Thép xây dựng	Thép gân (Thép van) (POMINA CB300); Thép tròn đặc Ø6 Pomina	kg			Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		13,900	13,900	13,900	13,900
Thép xây dựng	Thép gân (Thép van) (POMINA CB300); Thép tròn đặc Ø8 Pomina	kg			Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		13,900	13,900	13,900	13,900
Thép xây dựng	Thép gân (Thép van) (POMINA CB300); Thép gân Ø10 Pomina CB300	cây		6,25 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		89,300	89,300	89,300	89,300
Thép xây dựng	Thép gân (Thép van) (POMINA CB300); Thép gân Ø12 Pomina CB300	cây		9,77 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		139,500	139,500	139,500	139,500
Thép xây dựng	Thép gân (Thép van) (POMINA CB300); Thép gân Ø14 Pomina CB300	cây		13,45 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		192,100	192,100	192,100	192,100
Thép xây dựng	Thép gân (Thép van) (VINAKYOED); Thép tròn đặc Ø6 Vinakyoei	kg			Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		14,700	14,700	14,700	14,700
Thép xây dựng	Thép gân (Thép van) (VINAKYOED); Thép tròn đặc Ø8 Vinakyoei	kg			Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		14,700	14,700	14,700	14,700
Thép xây dựng	Thép gân (Thép van) (VINAKYOED); Thép gân Ø10 Vinakyoei	cây		6,93 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		104,700	104,700	104,700	104,700
Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 14x14 (0,7 li)	cây		1,74 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		30,200	30,200	30,200	30,200
Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 14x14 (0,8 li)	cây		1,97 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		34,200	34,200	34,200	34,200
Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 14x14 (0,9 li)	cây		2,19 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		38,000	38,000	38,000	38,000
Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 14x14 (1,1 li)	cây		2,63 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		45,700	45,700	45,700	45,700
Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 16x16 (0,9 li)	cây		2,53 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		44,000	44,000	44,000	44,000
Thép xây dựng	Thép hình (ÔNG THEP MA KEM HOA PHAT): Ống thép mạ kẽm HP 14x14 (0,7 li)	cây		1,74 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		29,600	29,600	29,600	29,600
Thép xây dựng	Thép hình (ÔNG THEP MA KEM HOA PHAT): Ống thép mạ kẽm HP 14x14 (0,8 li)	cây		1,97 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		33,500	33,500	33,500	33,500
Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm NK 13x26 (0,7 li)	cây		2,20 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		37,100	37,100	37,100	37,100
Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm NK 13x26 (0,8 li)	cây		2,54 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		42,800	42,800	42,800	42,800
Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm NK 13x26 (0,9 li)	cây		2,89 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tự thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		48,200	48,200	48,200	48,200
Thép xây dựng	Sắt Ø 6 Nhật Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-1:2008	6.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyoei)	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	15,873	15,873	15,873	15,873
Thép xây dựng	Sắt Ø 8 Nhật Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-1:2008	8.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyoei)	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	15,873	15,873	15,873	15,873
Thép xây dựng	Sắt Ø 10 gắn Nhật Vina Kyoei	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyoei)	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	111,818	111,818	111,818	111,818
Thép xây dựng	Sắt Ø 12 gắn Nhật Vina Kyoei	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyoei)	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	158,909	158,909	158,909	158,909
Thép xây dựng	Sắt Ø 14 gắn Nhật Vina Kyoei	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyoei)	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	216,000	216,000	216,000	216,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng				
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu	
Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật Vina Kyocci	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	282,455	282,455	282,455	282,455	
Thép xây dựng	Sắt Φ 18 gân Nhật Vina Kyocci	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	357,455	357,455	357,455	357,455	
Thép xây dựng	Sắt Φ 20 gân Nhật Vina Kyocci	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	441,182	441,182	441,182	441,182	
Thép xây dựng	Sắt Φ 22 gân Nhật Vina Kyocci	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	533,636	533,636	533,636	533,636	
Thép xây dựng	Sắt Φ 25 gân Nhật Vina Kyocci	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	694,818	694,818	694,818	694,818	
Thép xây dựng	Sắt Φ 14 trơn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2008	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	242,818	242,818	242,818	242,818	
Thép xây dựng	Sắt Φ 16 trơn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2008	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	316,636	316,636	316,636	316,636	
Thép xây dựng	Sắt Φ 18 trơn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2008	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	400,636	400,636	400,636	400,636	
Thép xây dựng	Sắt Φ 20 trơn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2008	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	497,818	497,818	497,818	497,818	
Thép xây dựng	Sắt Φ 22 trơn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2008	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Doy (Nhà phân phối Vina Kyocci)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/01/2026 đến khi có thông báo mới	601,636	601,636	601,636	601,636	
Thép xây dựng	Sắt Φ 6, 8 Nhật	kg	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Cửa hàng VLXD Tổng Thành Đạt (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong TT. Tân Biên	Giá không đổi	Giá không đổi			15,455	
Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật	cây	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Cửa hàng VLXD Tổng Thành Đạt (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong TT. Tân Biên	Giá không đổi	Giá không đổi				106,677
Thép xây dựng	Sắt Φ 12 gân Nhật	cây	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Cửa hàng VLXD Tổng Thành Đạt (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong TT. Tân Biên	Giá không đổi	Giá không đổi				153,336
Thép xây dựng	Sắt Φ 14 gân Nhật	cây	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Cửa hàng VLXD Tổng Thành Đạt (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong TT. Tân Biên	Giá không đổi	Giá không đổi				208,095
Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật	cây	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Cửa hàng VLXD Tổng Thành Đạt (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong TT. Tân Biên	Giá không đổi	Giá không đổi				271,555
Thép xây dựng	Sắt Φ 18 gân Nhật	cây	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Cửa hàng VLXD Tổng Thành Đạt (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong TT. Tân Biên	Giá không đổi	Giá không đổi				344,023
Thép xây dựng					Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh						
Thép xây dựng	Thép dày ma kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	20,500	20,500	20,500	20,500	
Thép xây dựng	Thép dày ma kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	20,000	20,000	20,000	20,000	
Thép xây dựng	Thép dày ma kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	19,550	19,550	19,550	19,550	
Thép xây dựng	Thép dày ma kẽm Z08 phủ CR: 1.15mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JISG3302.		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	19,200	19,200	19,200	19,200	
Thép xây dựng	Thép dày ma kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340 (mã không bóng)	kg	JISG3302.		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	21,500	21,500	21,500	21,500	
Thép xây dựng	Thép dày ma kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx 1200mm TCT SGC 340 (mã không bóng)	kg	JISG3302.		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	21,000	21,000	21,000	21,000	
Thép xây dựng	Thép dày ma kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340 (mã không bóng)	kg	JIS G3302.		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	20,550	20,550	20,550	20,550	
Thép xây dựng	Thép dày ma kẽm Z08 phủ CR: 1.15mmx 1200mm TCT SGC 340 (mã không bóng)	kg	JIS G3302.		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	20,200	20,200	20,200	20,200	
Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx 1.90mmx6.0m	kg	TCSS HS03:2021		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	23,810	23,810	23,810	23,810	
Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.10mmx6.0m	kg	TCSS HS03:2021		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	22,910	22,910	22,910	22,910	
Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCSS HS03:2021		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	22,910	22,910	22,910	22,910	
Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCSS HS03:2021		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	22,610	22,610	22,610	22,610	
Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx 1.60mmx6.0m	kg	TCSS HS03:2021		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Bảo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	24,910	24,910	24,910	24,910	

















Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Thép xây dựng	Thép cuộn 8mm CB240T	kg	TCVN 1651-1:2008	Thép cuộn 8mm (CB240T)	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày. Địa điểm giao hàng tại các nhà máy sản xuất và kho: - Công ty CP Thép VAS Tuế Minh - Lô A5, Đường D2, KCN Đúc Cúc (Khu B), xã Bắc Tân Uyên, TP. HCM - Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường - KP 3, P. Hòa Lợi, TP. HCM - Tổng kho thép VAS Miền Tây - Ấp An Ninh, X. An Lạc, Tn. Cần Thơ	Không có thông tin	Giá tại nơi bán	14,260	14,260	14,260	14,260
Thép xây dựng	Thép thanh vằn 10mm (Gr40)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20	Thép thanh vằn 10mm (Gr40)	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày. Địa điểm giao hàng tại các nhà máy sản xuất và kho: - Công ty CP Thép VAS Tuế Minh - Lô A5, Đường D2, KCN Đúc Cúc (Khu B), xã Bắc Tân Uyên, TP. HCM - Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường - KP 3, P. Hòa Lợi, TP. HCM - Tổng kho thép VAS Miền Tây - Ấp An Ninh, X. An Lạc, Tn. Cần Thơ	Không có thông tin	Giá tại nơi bán	14,480	14,480	14,480	14,480
Thép xây dựng	Thép thanh vằn 12-20mm (CB 300V/Gr40)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20	Thép thanh vằn 12-20mm (CB300V/Gr40)	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày. Địa điểm giao hàng tại các nhà máy sản xuất và kho: - Công ty CP Thép VAS Tuế Minh - Lô A5, Đường D2, KCN Đúc Cúc (Khu B), xã Bắc Tân Uyên, TP. HCM - Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường - KP 3, P. Hòa Lợi, TP. HCM - Tổng kho thép VAS Miền Tây - Ấp An Ninh, X. An Lạc, Tn. Cần Thơ	Không có thông tin	Giá tại nơi bán	14,280	14,280	14,280	14,280
Thép xây dựng	Thép thanh vằn 10mm (CB 400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20	Thép thanh vằn 10mm (CB400V/CB500)	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày. Địa điểm giao hàng tại các nhà máy sản xuất và kho: - Công ty CP Thép VAS Tuế Minh - Lô A5, Đường D2, KCN Đúc Cúc (Khu B), xã Bắc Tân Uyên, TP. HCM - Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường - KP 3, P. Hòa Lợi, TP. HCM - Tổng kho thép VAS Miền Tây - Ấp An Ninh, X. An Lạc, Tn. Cần Thơ	Không có thông tin	Giá tại nơi bán	14,660	14,660	14,660	14,660
Thép xây dựng	Thép thanh vằn 12-32mm (CB 400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20	Thép thanh vằn 12-20mm (CB400V/CB500)	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày. Địa điểm giao hàng tại các nhà máy sản xuất và kho: - Công ty CP Thép VAS Tuế Minh - Lô A5, Đường D2, KCN Đúc Cúc (Khu B), xã Bắc Tân Uyên, TP. HCM - Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường - KP 3, P. Hòa Lợi, TP. HCM - Tổng kho thép VAS Miền Tây - Ấp An Ninh, X. An Lạc, Tn. Cần Thơ	Không có thông tin	Giá tại nơi bán	14,460	14,460	14,460	14,460
Thép xây dựng	Thép thanh vằn 36-40mm (CB 400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20	Thép thanh vằn 36-40mm (CB400V/CB500)	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày. Địa điểm giao hàng tại các nhà máy sản xuất và kho: - Công ty CP Thép VAS Tuế Minh - Lô A5, Đường D2, KCN Đúc Cúc (Khu B), xã Bắc Tân Uyên, TP. HCM - Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường - KP 3, P. Hòa Lợi, TP. HCM - Tổng kho thép VAS Miền Tây - Ấp An Ninh, X. An Lạc, Tn. Cần Thơ	Không có thông tin	Giá tại nơi bán	14,760	14,760	14,760	14,760
Thép xây dựng	Ông thép 20x20 1.1 li	cây		3.87 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	75,909			
Thép xây dựng	Ông thép 20x40 1.1 li	cây		5.94 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	114,091			
Thép xây dựng	Ông thép 30x30 1.1 li	cây		5.94 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	114,091			
Thép xây dựng	Ông thép 30x60 1.1 li	cây		9.05 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	173,818			

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Thép xây dựng	Ông thép 40x40 1.1 li	cây		8.02 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	154,000			
Thép xây dựng	Ông thép 40x80 1.1 li	cây		12.16 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	233,545			
Thép xây dựng	Ông thép 50x50 1.1 li	cây		10.09 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	193,818			
Thép xây dựng	Ông thép 50x100 1.1 li	cây		15.27 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	293,273			
Thép xây dựng	Ông thép phi 42 1.1 li	cây		6.69 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	128,455			
Thép xây dựng	Ông thép phi 60 1.1 li	cây		9.57 kg/cây	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	183,818			
Thép xây dựng	Sắt hộp kềm 40x40x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thành Phát - nhà cung cấp Thép Nam Kim	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	142,000			
Thép xây dựng	Sắt hộp kềm 40x40x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thành Phát - nhà cung cấp Thép Nam Kim	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	167,000			
Thép xây dựng	Sắt hộp kềm 40x40x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thành Phát - nhà cung cấp Thép Nam Kim	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	195,000			
Thép xây dựng	Sắt hộp kềm 50x50x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thành Phát - nhà cung cấp Thép Nam Kim	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	207,000			
Thép xây dựng	Sắt Ø 10 Nhãn CB300	cây			Công ty TNHH Dầu tư Xây dựng và Vật liệu Cường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	Giá bán trên 20 cây				124,000
Thép xây dựng	Sắt Ø 12 Nhãn CB300	cây			Công ty TNHH Dầu tư Xây dựng và Vật liệu Cường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	Giá bán trên 20 cây				172,000
Thép xây dựng	Sắt Ø 14 Nhãn CB300	cây			Công ty TNHH Dầu tư Xây dựng và Vật liệu Cường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	Giá bán trên 20 cây				230,000
Thép xây dựng	Sắt Ø 16 Nhãn CB300	cây			Công ty TNHH Dầu tư Xây dựng và Vật liệu Cường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	Giá bán trên 20 cây				305,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ070 phi AF: 0.25mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	62,500	62,500	62,500	62,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ070 phi AF: 0.30mmx1200mm G550	m	reccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	69,000	69,000	69,000	69,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ070 phi AF: 0.3 5 mm x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	77,000	77,000	77,000	77,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ070 phi AF: 0.40mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	85,500	85,500	85,500	85,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ070 phi AF: 0.4 5mm x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	94,500	94,500	94,500	94,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ070 phi AF: 0.50mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	103,500	103,500	103,500	103,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00:05: 0.2 5mm x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	62,500	62,500	62,500	62,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00:05: 0.30mm x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	69,000	69,000	69,000	69,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00:05: 0.35mm x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	77,000	77,000	77,000	77,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00:05: 0.40mm x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	85,500	85,500	85,500	85,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00:05: 0.45mm x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	94,500	94,500	94,500	94,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00:05: 0.50mm x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	103,500	103,500	103,500	103,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ100 phi AF: 0.30mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	73,000	73,000	73,000	73,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ100 phi AF: 0.35mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	80,000	80,000	80,000	80,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ100 phi AF: 0.40mm x 1200mm G550	m	TCCS0112015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	89,500	89,500	89,500	89,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ100 phi AF: 0.45mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	97,500	97,500	97,500	97,500



Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PLI 18mm; .45mmx070mm G550	m	TCCS01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	162,000	162,000	162,000	162,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm; .50mmx070mm G550	m	reccs 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	172,000	172,000	172,000	172,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 16mm; .30mmx070mm G550	m	reccs 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	137,000	137,000	137,000	137,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 16mm; .35mmx070mm G550	m	reccs 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	147,000	147,000	147,000	147,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm; .40mmx070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	157,000	157,000	157,000	157,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm; .45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	167,000	167,000	167,000	167,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 16mm; 3.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	177,000	177,000	177,000	177,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm; D-30mmx070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	139,000	139,000	139,000	139,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 18mm; 0.35mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	149,000	149,000	149,000	149,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm; 0.40mmx070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	159,000	159,000	159,000	159,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm; 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	169,000	169,000	169,000	169,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 18mm; 0.5(mm)x070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An - ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	179,000	179,000	179,000	179,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn mạ kẽm xanh dương K598	m			Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành		Mua từ 50 triệu miễn phí giao hàng trong phạm vi 10km	72,727			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh rỗng 0.85m độ dày 0.18mm - Đại Thiên Lộc	m		1,32 - 1,45 kg/m	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành		Mua từ 50 triệu miễn phí giao hàng trong phạm vi 10km	46,364			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh rỗng 1.1m độ dày 0.25mm - Hoa Sen	m		1,61 - 1,70 kg/m	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành		Mua từ 50 triệu miễn phí giao hàng trong phạm vi 10km	58,182			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh rỗng 1.1m độ dày 0.22mm - Hoa Sen	m		2,01 - 2,10 kg/m	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành		Mua từ 50 triệu miễn phí giao hàng trong phạm vi 10km	63,636			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh rỗng 1.1m độ dày 0.20mm - Đại Thiên Lộc	m		1,91 - 2,00 kg/m	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành		Mua từ 50 triệu miễn phí giao hàng trong phạm vi 10km	53,636			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn màu rỗng 1.07m độ dày 0.4mm - Hòa Phát	m		3,31 - 3,40 kg/m	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành		Mua từ 50 triệu miễn phí giao hàng trong phạm vi 10km	84,545			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn màu rỗng 1.07m độ dày 0.45mm - Hòa Phát	m		3,71 - 3,80 kg/m	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích (Khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành		Mua từ 50 triệu miễn phí giao hàng trong phạm vi 10km	94,545			
Vật liệu tấm lợp bao che	T.L.G tiêu chuẩn Việt Nhật 0.30	kg		2.1 kg	Nhà máy tôn thép Việt Nhật Tây Ninh (Khảo sát tại nhà máy)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	48,000	48,000	48,000	48,000
Vật liệu tấm lợp bao che	T.L.G tiêu chuẩn Việt Nhật 0.35	kg		2.3 kg	Nhà máy tôn thép Việt Nhật Tây Ninh (Khảo sát tại nhà máy)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	52,000	52,000	52,000	52,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn Đông Á Xanh Ngọc 0.40	kg		3,33 kg	Nhà máy tôn thép Việt Nhật Tây Ninh (Khảo sát tại nhà máy)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	87,000	87,000	87,000	87,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn Đông Á Xanh Ngọc 0.45	kg		3,77 kg	Nhà máy tôn thép Việt Nhật Tây Ninh (Khảo sát tại nhà máy)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	97,000	97,000	97,000	97,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn Hoa Sen màu xanh ngọc 0.40	kg		3.4 kg	Nhà máy tôn thép Việt Nhật Tây Ninh (Khảo sát tại nhà máy)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	97,000	97,000	97,000	97,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn Hoa Sen màu xanh ngọc 0.45	kg		4 kg	Nhà máy tôn thép Việt Nhật Tây Ninh (Khảo sát tại nhà máy)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	106,000	106,000	106,000	106,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh trắng Nam Kim xanh ngọc 0.45	kg		3,77 kg	Nhà máy tôn thép Việt Nhật Tây Ninh (Khảo sát tại nhà máy)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	100,000	100,000	100,000	100,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh trắng Nam Kim xanh ngọc 0.50	kg		4,33 kg	Nhà máy tôn thép Việt Nhật Tây Ninh (Khảo sát tại nhà máy)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	110,000	110,000	110,000	110,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh dạng cuộn 01 AZ080 Phủ AF: 0.300mmx1200mmx G550	kg	ASTM A792/A792M-10; JIS G3321: 2012; BSEN 10346:2015	0.30mmx1200mm	Công ty CP Tôn Pomina	Việt Nam	Khối lượng từ 3000kg	Giao trên phương tiện bên mua	Đổi quy cách, chúng tôi vật tư	24,300	24,300	24,300	24,300
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh dạng cuộn 01 AZ080 Phủ AF: 0.350mmx1200mmx G550	kg	ASTM A792/A792M-10; JIS G3321: 2012; BSEN 10346:2015	0.35mmx1200mm	Công ty CP Tôn Pomina	Việt Nam	Khối lượng từ 3000kg	Giao trên phương tiện bên mua	Đổi quy cách, chúng tôi vật tư	23,800	23,800	23,800	23,800
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh dạng cuộn 01 AZ080 Phủ AF: 0.400mmx1200mmx G550	kg	ASTM A792/A792M-10; JIS G3321: 2012; BSEN 10346:2015	0.40mmx1200mm	Công ty CP Tôn Pomina	Việt Nam	Khối lượng từ 3000kg	Giao trên phương tiện bên mua	Đổi quy cách, chúng tôi vật tư	23,300	23,300	23,300	23,300
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh dạng cuộn 01 AZ080 Phủ AF: 0.450mmx1200mmx G550	kg	ASTM A792/A792M-10; JIS G3321: 2012; BSEN 10346:2015	0.45mmx1200mm	Công ty CP Tôn Pomina	Việt Nam	Khối lượng từ 3000kg	Giao trên phương tiện bên mua	Đổi quy cách, chúng tôi vật tư	23,000	23,000	23,000	23,000
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh dạng cuộn 01 AZ080 Phủ AF: 0.500mmx1200mmx G550	kg	ASTM A792/A792M-10; JIS G3321: 2012; BSEN 10346:2015	0.50mmx1200mm	Công ty CP Tôn Pomina	Việt Nam	Khối lượng từ 3000kg	Giao trên phương tiện bên mua	Đổi quy cách, chúng tôi vật tư	22,500	22,500	22,500	22,500
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh dạng cuộn 01 AZ100 Solar: 0.40mmx1200mm TCT G550	kg	ASTM A792/A792M-10; JIS G3321: 2012; BSEN 10346:2015	0.40mmx1200mm	Công ty CP Tôn Pomina	Việt Nam	Khối lượng từ 3000kg	Giao trên phương tiện bên mua	Đổi quy cách, chúng tôi vật tư	24,960	24,960	24,960	24,960
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh dạng cuộn 01 AZ100 Solar: 0.45mmx1200mm TCT G550	kg	ASTM A792/A792M-10; JIS G3321: 2012; BSEN 10346:2015	0.45mmx1200mm	Công ty CP Tôn Pomina	Việt Nam	Khối lượng từ 3000kg	Giao trên phương tiện bên mua	Đổi quy cách, chúng tôi vật tư	24,330	24,330	24,330	24,330
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh dạng cuộn 01 AZ100 Solar: 0.50mmx1200mm TCT G550	kg	ASTM A792/A792M-10; JIS G3321: 2012; BSEN 10346:2015	0.50mmx1200mm	Công ty CP Tôn Pomina	Việt Nam	Khối lượng từ 3000kg	Giao trên phương tiện bên mua	Đổi quy cách, chúng tôi vật tư	23,960	23,960	23,960	23,960
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ070 0.4 mm	m		3.67 kg/m	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	85,500			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ100 0.4 mm	m		3.62 kg/m	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	89,500			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn lạnh AZ050 0.4 mm màu dãn dưng	m		3.41 kg/m	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	98,500			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tôn Cao Cấp Hoa Sen GOLD	m		4.26 kg/m	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá bán giảm	128,000			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 0.60mmx1070mm	m			Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá không đổi	87,617			
Vật liệu tấm lợp bao che	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 0.80mmx1070mm	m			Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn TP. Tây Ninh	Giá không đổi	109,522			
Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC - 300/500 V	m	TCVN 6610-3	VC/LF-0,50 (F 0,80)-300/500 V	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Hàng giao tại kho người mua trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán tăng	3,240	3,240	3,240	3,240
Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC - 300/500 V	m	TCVN 6610-3	VC/LF-1,00 (F1,13)-300/500 V	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Hàng giao tại kho người mua trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán tăng	5,370	5,370	5,370	5,370
Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	m	TC AS/NZS 5000.1	VCmd-2x0,5-(2x16,0,2)-0,6/1 kV	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Hàng giao tại kho người mua trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán tăng	6,220	6,220	6,220	6,220
Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	m	TC AS/NZS 5000.1	VCmdLF-2x0,75-(2x24,0,2)-0,6/1 kV	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Hàng giao tại kho người mua trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán tăng	8,770	8,770	8,770	8,770
Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	m	TC AS/NZS 5000.1	VCmdLF-2x1-(2x32,0,2)-0,6/1 kV	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Hàng giao tại kho người mua trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán tăng	11,260	11,260	11,260	11,260
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - 0,6/1kV - (ruột đồng, cách điện PVC)	m	AS/NZS 5000.1	CV-16-0,6/1kV	Công ty CP Dây cáp điện DAPHACO	Việt Nam	Thanh toán trước khi giao hàng	Giao tại chân công trình		58,810	58,810	58,810	58,810
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - 0,6/1kV - (ruột đồng, cách điện PVC)	m	AS/NZS 5000.1	CV-25-0,6/1kV	Công ty CP Dây cáp điện DAPHACO	Việt Nam	Thanh toán trước khi giao hàng	Giao tại chân công trình		89,320	89,320	89,320	89,320
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - 0,6/1kV - (ruột đồng, cách điện PVC)	m	AS/NZS 5000.1	CV-35-0,6/1kV	Công ty CP Dây cáp điện DAPHACO	Việt Nam	Thanh toán trước khi giao hàng	Giao tại chân công trình		123,600	123,600	123,600	123,600
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - 0,6/1kV - (ruột đồng, cách điện PVC)	m	AS/NZS 5000.1	CV-50-0,6/1kV	Công ty CP Dây cáp điện DAPHACO	Việt Nam	Thanh toán trước khi giao hàng	Giao tại chân công trình		169,100	169,100	169,100	169,100
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - 0,6/1kV - (ruột đồng, cách điện PVC)	m	AS/NZS 5000.1	CV-70-0,6/1kV	Công ty CP Dây cáp điện DAPHACO	Việt Nam	Thanh toán trước khi giao hàng	Giao tại chân công trình		241,240	241,240	241,240	241,240
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - 0,6/1kV - (ruột đồng, cách điện PVC)	m	AS/NZS 5000.1	CV-95-0,6/1kV	Công ty CP Dây cáp điện DAPHACO	Việt Nam	Thanh toán trước khi giao hàng	Giao tại chân công trình		333,600	333,600	333,600	333,600
Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC-450/750V	m	TCVN 6610-3	VCm-1,5 (1x30(0,25)-450/750V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam	Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	8,200	8,200	8,200	8,200	
Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC-450/750V	m	TCVN 6610-3	VCm-2,5 (1x50(0,25)-450/750V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam	Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	13,000	13,000	13,000	13,000	
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x0,75 (2x24,0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam	Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	10,300	10,300	10,300	10,300	

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x1,0 (2x32,0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	12,900	12,900	12,900	12,900
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x1,5 (2x30,0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	18,100	18,100	18,100	18,100
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x2,5 (2x50,0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	29,100	29,100	29,100	29,100
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x4,0 (2x56,0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	44,100	44,100	44,100	44,100
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x6,0 (2x84,0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	65,800	65,800	65,800	65,800
Vật tư ngành điện	Dây dôi mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmđ-2x0,5 (2x16,0,2) - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	6,200	6,200	6,200	6,200
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 0,6/1kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmđ-2x0,75 (2x24,0,2) - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	8,700	8,700	8,700	8,700
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 0,6/1kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmđ-2x1 (2x32,0,2) - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	11,200	11,200	11,200	11,200
Vật tư ngành điện	Dây dôi mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmđ-2x1,5 (2x30,0,25) - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	16,000	16,000	16,000	16,000
Vật tư ngành điện	Dây dôi mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 0,6/1kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmđ-2x2,5 (2x50,0,25) - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	25,900	25,900	25,900	25,900
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-2x0,75 (2x24,0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	10,800	10,800	10,800	10,800
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-2x1 (2x32,0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	13,400	13,400	13,400	13,400
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-2x1,5 (2x30,0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	18,700	18,700	18,700	18,700
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-2x2,5 (2x50,0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	29,900	29,900	29,900	29,900
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-2x4 (2x56,0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	43,700	43,700	43,700	43,700
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-2x6 (2x84,0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	64,700	64,700	64,700	64,700
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-3x0,75 (2x24,0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	14,600	14,600	14,600	14,600
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-3x1 (2x32,0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	18,100	18,100	18,100	18,100
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-3x1,5 (2x30,0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	25,900	25,900	25,900	25,900
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-3x2,5 (2x50,0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	40,800	40,800	40,800	40,800
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-3x4 (2x56,0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	61,100	61,100	61,100	61,100
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-3x6 (2x84,0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	92,700	92,700	92,700	92,700
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-4x0,75 (2x24,0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	18,700	18,700	18,700	18,700
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-4x1 (2x32,0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	23,700	23,700	23,700	23,700
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-4x 1,5 (2x30,0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	33,500	33,500	33,500	33,500
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-4x2,5 (2x50,0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	52,800	52,800	52,800	52,800
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-4x4 (2x56,0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	80,000	80,000	80,000	80,000
Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmđ-4x6 (2x84,0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	120,600	120,600	120,600	120,600
Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế 0,6/1kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-1,5-0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	8,300	8,300	8,300	8,300

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng				
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu	
Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-2,5 -0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	13,500	13,500	13,500	13,500
Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-4-0,6/kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	20,400	20,400	20,400	20,400
Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-6-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	30,000	30,000	30,000	30,000
Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-10-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	49,700	49,700	49,700	49,700
Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-16 - 0,6/kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	75,700	75,700	75,700	75,700
Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-25 -0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	115,700	115,700	115,700	115,700
Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-35 -0,6/kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	160,000	160,000	160,000	160,000
Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-50-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	219,100	219,100	219,100	219,100
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2x1,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	25,900	25,900	25,900	25,900
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2x2,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	38,700	38,700	38,700	38,700
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2X4 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	56,200	56,200	56,200	56,200
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2X0 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	77,500	77,500	77,500	77,500
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2.X 10- 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	125,200	125,200	125,200	125,200
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x1,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	34,200	34,200	34,200	34,200
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x2,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	51,600	51,600	51,600	51,600
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x4 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	74,200	74,200	74,200	74,200
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x6 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	105,700	105,700	105,700	105,700
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3.X10 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	174,100	174,100	174,100	174,100
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	cvv-4x1,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	43,600	43,600	43,600	43,600
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4x2,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	65,800	65,800	65,800	65,800
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4X4 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	96,900	96,900	96,900	96,900
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4x6 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	138,800	138,800	138,800	138,800
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4x10 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	22,700	22,700	22,700	22,700
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-1,5 - 0,6/kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	11,200	11,200	11,200	11,200

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-2,5-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	16,800	16,800	16,800	16,800
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-4 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	23,900	23,900	23,900	23,900
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-6-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	33,700	33,700	33,700	33,700
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-10-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	53,300	53,300	53,300	53,300
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1k.V (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-16 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	79,800	79,800	79,800	79,800
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-25 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	123,900	123,900	123,900	123,900
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-35 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	169,700	169,700	169,700	169,700
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-50-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	230,400	230,400	230,400	230,400
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV(3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-2x50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	492,400	492,400	492,400	492,400
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV(3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-3x50- 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	714,200	714,200	714,200	714,200
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV(4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-4x50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	941,600	941,600	941,600	941,600
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ -0,6/1kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-2x 16 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	212,000	212,000	212,000	212,000
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV(3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-3.X16-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	290,200	290,200	290,200	290,200
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ -0,6/1kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-4.X16-0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	369,700	369,700	369,700	369,700
Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-16 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	10,500	10,500	10,500	10,500
Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	27,000	27,000	27,000	27,000
Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-70-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	36,500	36,500	36,500	36,500
Vật tư ngành điện	Cáp viễn xoắn hạ thế-0,6/1 kV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-2X16-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	22,100	22,100	22,100	22,100
Vật tư ngành điện	Cáp viễn xoắn hạ thế-0,6/1 kV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-3x16-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	32,000	32,000	32,000	32,000
Vật tư ngành điện	Cáp viễn xoắn hạ thế-0,6/1 kV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-4x50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	97,400	97,400	97,400	97,400
Vật tư ngành điện	Cáp viễn xoắn hạ thế-0,6/1 kV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-4x95 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	179,700	179,700	179,700	179,700
Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống sét, bản dẫn mặt đất, cách điện XLPE, VỎ HDPE)	m	TCVN 593 5-2/1 EC 60502-1995	ACXH/WBC-50/8-12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	101,800	101,800	101,800	101,800

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng				
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu	
Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, bản dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-70/11 -12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	1 14,100	1 14,100	1 14,100	1 14,100
Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, bản dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ HDPE)	m	TCVN 593 5-2/1 EC 60502-1995	ACX11/WBC-95/16 -12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	139,900	139,900	139,900	139,900
Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, bản dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACX11/WBC-240/32 -12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	260,700	260,700	260,700	260,700
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNSZ 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-1,5-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	12,700	12,700	12,700	12,700
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR- PVC)	m	ASNSZ 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-2,5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	17,200	17,200	17,200	17,200
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNSZ 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-4 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	26,000	26,000	26,000	26,000
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy -0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNSZ 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-6-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	35,200	35,200	35,200	35,200
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3CATC, BS6387 CAT c	CXV/FR-2x1,5 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	46,300	46,300	46,300	46,300
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CXV/FR-2x2,5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	57,500	57,500	57,500	57,500
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CXV/FR-2x4 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	77,700	77,700	77,700	77,700
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CXV/FR-2x6 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	98,900	98,900	98,900	98,900
Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-50/8	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	23,800	23,800	23,800	23,800
Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-70/11	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	33,300	33,300	33,300	33,300
Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-95/16	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	46,200	46,200	46,200	46,200
Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-120/19	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	61,000	61,000	61,000	61,000
Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn:C	m		C-25	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	111,000	111,000	111,000	111,000
Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn:C	m		C-50	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	224,900	224,900	224,900	224,900
Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-1,5kV	m	TC EN 50168	H1Z2Z2-K-4 - 1,5kV DC	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	29,000	29,000	29,000	29,000
Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-1,5kV	m	TC EN 50168	H1Z2Z2-K-6- 1,5kV DC	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	41,300	41,300	41,300	41,300
Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/1kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-cv-2x4 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	41,600	41,600	41,600	41,600
Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/1kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-cv-2x6-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam			Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	60,600	60,600	60,600	60,600

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/1kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x10-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Hàng giao tại kho người mua	giá bán tăng	98,500	98,500	98,500	98,500
Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (60w - 69w): KT 60x529x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa bàn tỉnh Tây Ninh		8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000
Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (70w - 79w): KT 60x529x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa bàn tỉnh Tây Ninh		8,800,000	8,800,000	8,800,000	8,800,000
Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (80w - 89w): KT 60x529x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa bàn tỉnh Tây Ninh		9,100,000	9,100,000	9,100,000	9,100,000
Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (90w - 99w): KT 60x529x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa bàn tỉnh Tây Ninh		9,400,000	9,400,000	9,400,000	9,400,000
Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (100w - 109w): KT 60x529x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa bàn tỉnh Tây Ninh		10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000
Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (110w - 119w): KT 60x529x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa bàn tỉnh Tây Ninh		10,300,000	10,300,000	10,300,000	10,300,000
Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-50W	bộ		90-264VAC, 50W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700 K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		6,100,000	6,100,000	6,100,000	6,100,000
Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-60W	bộ		90-264VAC, 60W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700 K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000
Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-70W	bộ		90-264VAC, 70W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700 K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000
Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-80W	bộ		90-264VAC, 80W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700 K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		7,800,000	7,800,000	7,800,000	7,800,000
Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-90W	bộ		90-264VAC, 90W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700 K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		8,600,000	8,600,000	8,600,000	8,600,000
Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-100W	bộ		90-264VAC, 100W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700 K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		8,800,000	8,800,000	8,800,000	8,800,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường CARENT IP67 LED SMD, công suất 70W-70W	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		6,970,000	6,970,000	6,970,000	6,970,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường CARENT IP67 LED SMD, công suất 70W-80W	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		7,760,000	7,760,000	7,760,000	7,760,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường SUPERLUX LED SMD, công suất 40W-60W	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		6,360,000	6,360,000	6,360,000	6,360,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường SUPERLUX LED SMD, công suất 60W-70W	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		6,960,000	6,960,000	6,960,000	6,960,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường CARINA LED SMD, công suất 30W-40W	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		5,520,000	5,520,000	5,520,000	5,520,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường CARINA LED SMD, công suất 40W-50W	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		5,890,000	5,890,000	5,890,000	5,890,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường OSTAR LED SMD, công suất 40W-50W	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường OSTAR LED SMD, công suất 50W-60W	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		6,360,000	6,360,000	6,360,000	6,360,000
Vật tư ngành điện	bộ điều khiển NEMA thông minh tại đèn IDM-TM16ZG	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000
Vật tư ngành điện	bộ điều khiển trung tâm CENTER-TM/GPRS/4G	bộ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		45,800,000	45,800,000	45,800,000	45,800,000
Vật tư ngành điện	Tủ điện chiếu sáng GPRS 50A	tủ			Công ty TNHH SX TM và XD Thiên Minh	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		75,000,000	75,000,000	75,000,000	75,000,000
Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bu lông M16, KT: (240x240x500)mm (TCSS 01.2018/CSMB)	cái	(TCSS 01.2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		570,000	570,000	570,000	570,000
Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bu lông M16, KT: (260x260x500)mm (TCSS 01.2018/CSMB)	cái	(TCSS 01.2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		617,500	617,500	617,500	617,500
Vật tư ngành điện	Đế gang DP03 cho cột thép (TCSS 01.2018/CSMB)	cái	(TCSS 01.2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400
Vật tư ngành điện	Đế DP01 (lắp cho cột sắt vườn ồng nhóm D108, cao 2.3m (TCSS 01.2018/CSMB)	cái	(TCSS 01.2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800
Vật tư ngành điện	Đế gang sắt DP04 cho cột thép (TCSS 01.2018/CSMB)	cái	(TCSS 01.2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành điện	Đế gang D902 cho cốt thép (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600
Vật tư ngành điện	Đế gang PINE cho cốt sàn vườn ồng nhôm D108, cao 2,3m (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000
Vật tư ngành điện	Đế gang DC06 cho cốt sàn vườn ồng nhôm D76, cao 2,3m (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800
Vật tư ngành điện	Ông nhựa xoắn HDPE D25x32	m			Công ty CP Visuco Bình Dương	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		12,000	12,000	12,000	12,000
Vật tư ngành điện	Ông nhựa xoắn HDPE D30x40	m			Công ty CP Visuco Bình Dương	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		14,000	14,000	14,000	14,000
Vật tư ngành điện	Ông nhựa xoắn HDPE D40x50	m			Công ty CP Visuco Bình Dương	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		21,000	21,000	21,000	21,000
Vật tư ngành điện	Ông nhựa xoắn HDPE D50x65	m			Công ty CP Visuco Bình Dương	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		28,000	28,000	28,000	28,000
Vật tư ngành điện	Ông nhựa xoắn HDPE D65x85	m			Công ty CP Visuco Bình Dương	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		42,000	42,000	42,000	42,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường LED NIKKON MURA (M) 80W Dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây I LCS - Malaysia	bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường LED NIKKON MURA (M) 85W - 105W Dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây I LCS - Malaysia	bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường LED NIKKON MURA (M) 110W - 125W Dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây I LCS - Malaysia	bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường LED NIKKON MURA (M) 130W - 155W Dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây I LCS - Malaysia	bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường LED NIKKON MURA (M) 160W - 185W Dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây I LCS - Malaysia	bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường LED NIKKON CERVELLI (M) 100W - 250W Dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây I LCS - Malaysia	bộ	Độ kín IP66	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000
Vật tư ngành điện	bộ đèn đường LED NIKKON CERVELLI (M) 300W - 350W Dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây I LCS - Malaysia	bộ	Độ kín IP66	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000
Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 60W - Malaysia	bộ	Độ kín IP66	Tích hợp PIN LiFePO4 sạc đầy với 6h đêm/N1MT	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí VC đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000
Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCm 0.5	m	TCVN 6610-3 - 300/500V	VCm 0.5 - (1x16.20)	Công ty dây cáp điện Lucky Star	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chành xe (chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		2,080	2,080	2,080	2,080
Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCm 1.0	m	TCVN 6610-3 - 300/500V	VCm 1.0 - (1x32.20)	Công ty dây cáp điện Lucky Star	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chành xe (chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		3,702	3,702	3,702	3,702
Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCmđ 2x0.5	m	AS/NZS 5000.1 - 0.6/1.0kV	VCmđ 2x0.5 - (2x16.020)	Công ty dây cáp điện Lucky Star	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chành xe (chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		4,119	4,119	4,119	4,119
Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCmđ 2x0.75	m	AS/NZS 5000.1 - 0.6/1.0kV	VCmđ 2x0.75 - (2x24.020)	Công ty dây cáp điện Lucky Star	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chành xe (chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		5,811	5,811	5,811	5,811
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 1.5	m	AS/NZS 5000.1 - 0.6/1.0kV	CV 1.5 - (1x7.052)	Công ty dây cáp điện Lucky Star	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chành xe (chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		5,522	5,522	5,522	5,522
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 2.5	m	AS/NZS 5000.1 - 0.6/1.0kV	CV 2.5 - (1x7.067)	Công ty dây cáp điện Lucky Star	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chành xe (chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		9,005	9,005	9,005	9,005
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 6.0	m	AS/NZS 5000.1 - 0.6/1.0kV	CV 6.0 - (1x7/1.04)	Công ty dây cáp điện Lucky Star	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chành xe (chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		19,999	19,999	19,999	19,999
Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 10	m	AS/NZS 5000.1 - 0.6/1.0kV	CV 10 - (1x7/1.35)	Công ty dây cáp điện Lucky Star	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chành xe (chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		33,134	33,134	33,134	33,134

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 1.0	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		4,229			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 1.5	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		5,807			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 2.0	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		7,520			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 2.5	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		9,467			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 3.5	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		12,731			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 4.0	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		14,327			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 5.5	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		19,701			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 6.0	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		21,026			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 8.0	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		28,239			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 10.0	m			Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		34,830			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 1.5	cuộn			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)		Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		466,554			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 2.5	cuộn			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)		Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		750,930			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 3.5	cuộn			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)		Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,008,646			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 4.0	cuộn			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)		Giá bán ở TP. Tây Ninh	Hàng giao tại kho người mua trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		1,137,504			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 6.0	cuộn			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)		Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,660,045			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 8.0	cuộn			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)		Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		2,226,131			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 10.0	cuộn			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)		Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		2,743,340			
Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 16.0	cuộn			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ - Nhà phân phối dây cáp điện cadivi tại TP. Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)		Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		4,171,440			
Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An - BFP Ø 32/25	m	TCVN 8699:2011	032 - 025	Công ty Cổ phần Ba An	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		12,800	12,800	12,800	12,800
Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An - BFP Ø 40/30	m	TCVN 8699:2011	040 - 030	Công ty Cổ phần Ba An	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		14,900	14,900	14,900	14,900
Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An - BFP Ø 50/40	m	TCVN 8699:2011	050 - 040	Công ty Cổ phần Ba An	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		21,400	21,400	21,400	21,400
Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An - BFP Ø 65/50	m	TCVN 8699:2011	065 - 050	Công ty Cổ phần Ba An	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		29,300	29,300	29,300	29,300
Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An - BFP Ø 85/65	m	TCVN 8699:2011	085 - 065	Công ty Cổ phần Ba An	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		42,500	42,500	42,500	42,500
Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An - BFP Ø 95/72	m	TCVN 8699:2011	095 - 072	Công ty Cổ phần Ba An	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		47,800	47,800	47,800	47,800
Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Sampo - ELP 25	m	TCVN 8699:2011	032 - 025	Công ty Cổ phần Sampo	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		12,800	12,800	12,800	12,800

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành điện	Ông nhựa xoắn HDPE Sauto ELP 30	m	TCVN 8699:2011	Ø40 - Ø30	Công ty Cổ phần Sauto	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		14,900	14,900	14,900	14,900
Vật tư ngành điện	Ông nhựa xoắn HDPE Sauto ELP 40	m	TCVN 8699:2011	Ø50 - Ø40	Công ty Cổ phần Sauto	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		21,400	21,400	21,400	21,400
Vật tư ngành điện	Ông nhựa xoắn HDPE Sauto ELP 50	m	TCVN 8699:2011	Ø65 - Ø50	Công ty Cổ phần Sauto	Việt Nam	Giá bán toàn Tỉnh Tây Ninh	Giá này đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		29,300	29,300	29,300	29,300
Vật tư ngành điện	Ông cứng tròn Ø16 (2m/2 cây, lục nén 750N)	cây	BS EN 61386-21 & IEC 61386-21:2021		Công ty TNHH Nhựa Nguyễn Tiến Phát	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	23,000				
Vật tư ngành điện	Ông cứng tròn Ø20 (2m/2 cây, lục nén 750N)	cây	BS EN 61386-21 & IEC 61386-21:2021		Công ty TNHH Nhựa Nguyễn Tiến Phát	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	30,600				
Vật tư ngành điện	Đèn led panel vuông 600x600	cái	QCVN 19:2019/BKHCN		Công ty TNHH Nhựa Nguyễn Tiến Phát	Trung Quốc	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	578,000				
Vật tư ngành điện	Đèn led bán nguyệt 6 tác - 20W	cái	QCVN 19:2019/BKHCN		Công ty TNHH Nhựa Nguyễn Tiến Phát	Trung Quốc	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	126,000				
Vật tư ngành điện	Đèn led bán nguyệt 1m2 - 40W	cái	QCVN 19:2019/BKHCN		Công ty TNHH Nhựa Nguyễn Tiến Phát	Trung Quốc	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	200,000				
Vật tư ngành điện	Đèn led trụ 5w	cái	QCVN 19:2019/BKHCN		Công ty TNHH Nhựa Nguyễn Tiến Phát	Trung Quốc	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	35,200				
Vật tư ngành điện	Đèn led trụ 10w	cái	QCVN 19:2019/BKHCN		Công ty TNHH Nhựa Nguyễn Tiến Phát	Trung Quốc	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	45,200				
Vật tư ngành điện	Đèn LHT-SKY1 (60W - 69W): KT580x250x70	bộ	Đèn đạt nhận tiết kiệm năng lượng ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và TCVN 7722-223:2007		Công ty TNHH SX TM Kỹ thuật & XD Hưng Thịnh	Việt Nam		Giao tại công trình	8,120,000	8,120,000	8,120,000	8,120,000	
Vật tư ngành điện	Đèn LHT-SKY1 (70W - 79W): KT580x250x70	bộ	Đèn đạt nhận tiết kiệm năng lượng ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và TCVN 7722-223:2007		Công ty TNHH SX TM Kỹ thuật & XD Hưng Thịnh	Việt Nam		Giao tại công trình	8,630,000	8,630,000	8,630,000	8,630,000	
Vật tư ngành điện	Đèn LHT-SKY1 (80W - 89W): KT580x250x70	bộ	Đèn đạt nhận tiết kiệm năng lượng ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và TCVN 7722-223:2007		Công ty TNHH SX TM Kỹ thuật & XD Hưng Thịnh	Việt Nam		Giao tại công trình	8,870,000	8,870,000	8,870,000	8,870,000	
Vật tư ngành điện	Đèn LHT-SKY1 (90W - 99W): KT580x250x70	bộ	Đèn đạt nhận tiết kiệm năng lượng ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và TCVN 7722-223:2007		Công ty TNHH SX TM Kỹ thuật & XD Hưng Thịnh	Việt Nam		Giao tại công trình	9,275,000	9,275,000	9,275,000	9,275,000	
Vật tư ngành điện	Đèn LHT-SKY1 (100W - 109W): KT690x300x72	bộ	Đèn đạt nhận tiết kiệm năng lượng ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và TCVN 7722-223:2007		Công ty TNHH SX TM Kỹ thuật & XD Hưng Thịnh	Việt Nam		Giao tại công trình	9,850,000	9,850,000	9,850,000	9,850,000	
Vật tư ngành điện	Led bulb nhựa 9W ánh sáng trắng (T) vàng (V) LBD-9T/ V	cái	RA >80; PF=0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam		Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	44,444	44,444	44,444	44,444	
Vật tư ngành điện	Led bulb nhựa 12 w ánh sáng trắng (T) vàng (V) LBD-12T/ V	cái	RA >80; PF=0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 80 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam		Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	55,556	55,556	55,556	55,556	
Vật tư ngành điện	Led Panel âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) vàng (V) RPL3-7T/N/V	cái	RA >80; PF=0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam		Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	96,759	96,759	96,759	96,759	
Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) vàng (V) RPL3-9T/N/V	cái	RA >80; PF=0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam		Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	122,500	122,500	122,500	122,500	
Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) vàng (V) RPL3-12T/N/V	cái	RA >80; PF=0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam		Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	138,704	138,704	138,704	138,704	
Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) vàng (V) SPL-6T/ V	cái	RA >80; PF=0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam		Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	113,796	113,796	113,796	113,796	

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành điện	Led Panel âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T) trung tính (N) vàng (V) SPL-9T/V	cái	RA >80; PF> 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	147,407	147,407	147,407	147,407
Vật tư ngành điện	Led Panel âm trần nhôm, mặt vuông 12W ánh sáng trắng (T) /vàng (V) SPL-12T/V	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	181,204	181,204	181,204	181,204
Vật tư ngành điện	Led Panel âm trần nhôm, Tròn 6W ánh sáng trắng (T) / trung tính (N) /vàng (V) RPL-6T/N/V	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	110,278	110,278	110,278	110,278
Vật tư ngành điện	Led Panel âm trần nhôm, Tròn 9W ánh sáng trắng (T) / trung tính (N) /vàng (V) RPL-9T/N/V	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	143,148	143,148	143,148	143,148
Vật tư ngành điện	Led Panel âm trần nhôm, Tròn 12W ánh sáng trắng (T) / trung tính (N) /vàng (V) RPL-12T/N/V	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	175,463	175,463	175,463	175,463
Vật tư ngành điện	Led Panel đa năng 12W 3 màu MRPL-12/3C	cái	RA>80;PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	314,722	314,722	314,722	314,722
Vật tư ngành điện	Led Panel đa năng 18w 3 màu MRPL-18/3C	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	443,426	443,426	443,426	443,426
Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 6W ánh sáng trắng (T) /vàng (V) DLEL-6T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	69,815	69,815	69,815	69,815
Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 9W ánh sáng trắng (T) /vàng (V) DLEL-9T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	82,130	82,130	82,130	82,130
Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 12w ánh sáng trắng (T) /vàng (V) DLE-12T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	119,259	119,259	119,259	119,259
Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T) /vàng(V) DLE-18T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	185,370	185,370	185,370	185,370
Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12 w ánh sáng trắng (T) /vàng (V) SRPL2-12T/V	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	109,630	109,630	109,630	109,630
Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T) /vàng (V) SRPL2-18T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	150,185	150,185	150,185	150,185
Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 24W ánh sáng trắng (T) /vàng (V) SRPL2-24T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	227,593	227,593	227,593	227,593
Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T) /vàng (V) SSPL2-12T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	122,315	122,315	122,315	122,315
Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18w ánh sáng trắng (T) /vàng (V) SSPL2-18T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	163,519	163,519	163,519	163,519

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành điện	Led Panel áp trần - Vuông (DOB) 24W ánh sáng trắng (T) vàng (V) SSPL2-24TV	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	242,315	242,315	242,315	242,315
Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	246,759	246,759	246,759	246,759
Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	cái	RA >80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	294,722	294,722	294,722	294,722
Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 7W SSL-7V	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	370,926	370,926	370,926	370,926
Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	cái	RA >80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	401,296	401,296	401,296	401,296
Vật tư ngành điện	Led ống bo 12W ánh sáng trắng (T) vàng (V) SDL-12TV	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	464,259	464,259	464,259	464,259
Vật tư ngành điện	Led ống bo 18W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) SDL-18TV	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	781,481	781,481	781,481	781,481
Vật tư ngành điện	Led ống bo 24W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) SDL-24TV	cái	RA >80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 18 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	869,167	869,167	869,167	869,167
Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T) trung tính (N) vàng (V) DLS-207T/N/V	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	693,796	693,796	693,796	693,796
Vật tư ngành điện	Led tấm 20W 300x300x3.5mm ánh sáng trắng (T) trung tính (N) FPD-3030T/N	cái	RA >80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	455,278	455,278	455,278	455,278
Vật tư ngành điện	Led tấm 40V 600x600x3.5mm ánh sáng trắng (T) trung tính (N) FPD-6060T/N	cái	RA >80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	722,963	722,963	722,963	722,963
Vật tư ngành điện	Led tấm 20w 300x300x3.5mm ánh sáng trắng (T) trung tính (N) FPD3-3030T/N	cái	RA >80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	455,278	455,278	455,278	455,278
Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 600x600x3.5mm ánh sáng trắng (T) trung tính (N) FPD3-6060T/N	cái	RA >80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	722,963	722,963	722,963	722,963
Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 120x300x3.5mm ánh sáng trắng (T) trung tính (N) FPD3-12030T/N	cái	RA>80;PF>0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	839,167	839,167	839,167	839,167
Vật tư ngành điện	Led tube bóng thủy tinh h=9W 0.6m ánh sáng trắng (T) vàng (V) bao gồm màng MGT-110T/V	cái	RA >80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	97,407	97,407	97,407	97,407
Vật tư ngành điện	Led tube bóng thủy tinh 1x18 w 1.2m ánh sáng trắng (T) vàng (V) bao gồm màng MGT-120T/V	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	113,056	113,056	113,056	113,056

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành điện	Led tube bóng thủy tinh 1 x28 w 1.2m ánh sáng trắng (T) vàng (V) bao gồm máng MGT-120T	cái	RA >80; PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM -DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	137,037	137,037	137,037	137,037
Vật tư ngành điện	Led tube bóng thủy tinh 2x9W 0.6m ánh sáng trắng (T) vàng (V) bao gồm máng MGT-210T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 6 cái/thùng	Công Ty TNHH TM -DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	167,130	167,130	167,130	167,130
Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 18W thân nhựa ánh sáng trắng (T) vàng(V) BN2-18T/V	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM -DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	116,111	116,111	116,111	116,111
Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 36W thân nhựa ánh sáng trắng (T) vàng (V) BN2-36T/V	cái	RA>80;PF>0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM -DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	176,759	176,759	176,759	176,759
Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 48w thân nhựa BN2-48T	cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM -DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	239,722	239,722	239,722	239,722
Vật tư ngành điện	Led chống thấm (IP65) 20W ánh sáng trắng (T) vàng (V) LWP2-20T/V	cái	RA >80; PF>0.9; IP 65 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS; EMC	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM -DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	479,630	479,630	479,630	479,630
Vật tư ngành điện	Led chống thấm (IP65) 40W ánh sáng trắng (T) vàng (V) LWP2-40T/V	cái	RA >80; PF>0.9; IP 65 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS; EMC	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM -DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	748,889	748,889	748,889	748,889
Vật tư ngành điện	Led pha 50W ánh sáng trắng (T) vàng (V) FLD5-50T/V	cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM -DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	482,037	482,037	482,037	482,037
Vật tư ngành điện	Led pha 100W ánh sáng trắng (T) vàng (V) FLD5-100T/V	cái	RA >80; PF>0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM -DV Điện Mạnh Phương	Việt Nam			Mức giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,167,037	1,167,037	1,167,037	1,167,037
Vật tư ngành nước	Ông UPVC Bình Minh Thái D21	cây	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVNN 16:2017/BXD (hệ inch)		Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà cung cấp Cty ống nhựa Bình Minh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		33,000			
Vật tư ngành nước	Ông UPVC Bình Minh Thái D27	cây	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVNN 16:2017/BXD (hệ inch)		Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà cung cấp Cty ống nhựa Bình Minh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		42,000			
Vật tư ngành nước	Ông UPVC Bình Minh Thái D34	cây	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVNN 16:2017/BXD (hệ inch)		Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà cung cấp Cty ống nhựa Bình Minh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		61,000			
Vật tư ngành nước	Ông UPVC Bình Minh Thái D42	cây	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVNN 16:2017/BXD (hệ inch)		Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà cung cấp Cty ống nhựa Bình Minh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		81,000			
Vật tư ngành nước	Ông UPVC Bình Minh Thái D49	cây	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVNN 16:2017/BXD (hệ inch)		Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà cung cấp Cty ống nhựa Bình Minh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		100,000			
Vật tư ngành nước	Ông UPVC Bình Minh Thái D60	cây	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVNN 16:2017/BXD (hệ inch)		Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà cung cấp Cty ống nhựa Bình Minh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		110,000			
Vật tư ngành nước	Ông UPVC Bình Minh Thái D90	cây	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVNN 16:2017/BXD (hệ inch)		Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà cung cấp Cty ống nhựa Bình Minh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		240,000			
Vật tư ngành nước	Ông UPVC Bình Minh Thái D114	cây	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVNN 16:2017/BXD (hệ inch)		Cửa hàng Huỳnh Hằng - Nhà cung cấp Cty ống nhựa Bình Minh (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		360,000			
Vật tư ngành nước	Ông uPVC D21x1.6mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai		8,800	8,800	8,800	8,800
Vật tư ngành nước	Ông uPVC D27x1.8mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai		12,400	12,400	12,400	12,400

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành nước	Ông uPVC D34x2.0mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai		17,500	17,500	17,500	17,500
Vật tư ngành nước	Ông uPVC D24x2.1mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai	23,200	23,200	23,200	23,200	
Vật tư ngành nước	Ông uPVC D24x3.0mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai	31,800	31,800	31,800	31,800	
Vật tư ngành nước	Ông HDPE D25x2.0mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai	9,790	9,790	9,790	9,790	
Vật tư ngành nước	Ông HDPE D25x2.3mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai	11,690	11,690	11,690	11,690	
Vật tư ngành nước	Ông HDPE D25x3.0mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai	13,690	13,690	13,690	13,690	
Vật tư ngành nước	Ông HDPE D32x2.0mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai	13,140	13,140	13,140	13,140	
Vật tư ngành nước	Ông HDPE D32x3.0mm	m			Công ty CP DNP Holding	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng tại nhà máy Biên Hòa, Đồng Nai	18,760	18,760	18,760	18,760	
Vật tư ngành nước	Bê tông minh Nano Titan, PK đồng bộ	bộ		V91	Công ty TNHH Nguyễn Thảo Nguyễn - nhà phân phối Viglacera Đường ĐT 784, Bầu Đón, Gò Dầu, Tây Ninh (Khảo sát tại địa phương)	Việt Nam	Giá bán tại huyện Gò Dầu	Không bao gồm chi phí vận chuyển				31,345,455	
Vật tư ngành nước	Bê tông KL Nano Titan, sà 2 nhân, nắp êm	bộ		V62 + VG826 + VG853	Công ty TNHH Nguyễn Thảo Nguyễn - nhà phân phối Viglacera Đường ĐT 784, Bầu Đón, Gò Dầu, Tây Ninh (Khảo sát tại địa phương)	Việt Nam	Giá bán tại huyện Gò Dầu	Không bao gồm chi phí vận chuyển				3,836,364	
Vật tư ngành nước	Bê tông KL Nano Titan, sà 2 nhân, nắp êm	bộ		BL5 + VG826	Công ty TNHH Nguyễn Thảo Nguyễn - nhà phân phối Viglacera Đường ĐT 784, Bầu Đón, Gò Dầu, Tây Ninh (Khảo sát tại địa phương)	Việt Nam	Giá bán tại huyện Gò Dầu	Không bao gồm chi phí vận chuyển				2,336,364	
Vật tư ngành nước	Châu treo tường (BB, giá hoặc ốc vít)	cái		VTL2, VTL3, VTL3N	Công ty TNHH Nguyễn Thảo Nguyễn - nhà phân phối Viglacera Đường ĐT 784, Bầu Đón, Gò Dầu, Tây Ninh (Khảo sát tại địa phương)	Việt Nam	Giá bán tại huyện Gò Dầu	Không bao gồm chi phí vận chuyển				363,636	
Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	cái		VG105	Công ty TNHH Nguyễn Thảo Nguyễn - nhà phân phối Viglacera Đường ĐT 784, Bầu Đón, Gò Dầu, Tây Ninh (Khảo sát tại địa phương)	Việt Nam	Giá bán tại huyện Gò Dầu	Không bao gồm chi phí vận chuyển				1,194,444	
Vật tư ngành nước	Vòi cảm ứng 1 lỗ nóng lạnh dùng pin	cái		VG1023	Công ty TNHH Nguyễn Thảo Nguyễn - nhà phân phối Viglacera Đường ĐT 784, Bầu Đón, Gò Dầu, Tây Ninh (Khảo sát tại địa phương)	Việt Nam	Giá bán tại huyện Gò Dầu	Không bao gồm chi phí vận chuyển				5,018,519	
Vật tư ngành nước	Vòi rửa bát gắn trong nóng lạnh	cái		VG701	Công ty TNHH Nguyễn Thảo Nguyễn - nhà phân phối Viglacera Đường ĐT 784, Bầu Đón, Gò Dầu, Tây Ninh (Khảo sát tại địa phương)	Việt Nam	Giá bán tại huyện Gò Dầu	Không bao gồm chi phí vận chuyển				1,092,593	
Vật tư ngành nước	Bàn cầu 1 khối LT 101	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP SX TM Nam Đô		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	4,320,000	4,320,000	4,320,000	4,320,000
Vật tư ngành nước	Bàn cầu 1 khối LT 102	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP SX TM Nam Đô		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	5,180,000	5,180,000	5,180,000	5,180,000
Vật tư ngành nước	Lavabo để bàn hình tròn LL 401-46T	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP SX TM Nam Đô		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	1,760,000	1,760,000	1,760,000	1,760,000
Vật tư ngành nước	Lavabo treo chân liền hình Oval lớn gắn được với LL 102B	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP SX TM Nam Đô		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	3,960,000	3,960,000	3,960,000	3,960,000
Vật tư ngành nước	Bồn tiểu nam LL 104E	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP SX TM Nam Đô		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000
Vật tư ngành nước	Bồn tiểu nam LL 104B	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP SX TM Nam Đô		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	3,000,000	3,000,000	3,000,000	3,000,000
Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng 0.5m3	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	3,118,182	3,118,182	3,118,182	3,118,182
Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng 1.0m3	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	4,500,000	4,500,000	4,500,000	4,500,000
Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng 1.5m3	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000
Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang 0.5m3	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	3,418,182	3,418,182	3,418,182	3,418,182
Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang 1.0m3	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091
Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang 1.5m3	cái			Trung tâm phụ mẫu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán toàn tỉnh, bao gồm vận chuyển	Giá không đổi	7,572,727	7,572,727	7,572,727	7,572,727
Vật tư ngành nước	Ông uPVC D21x1.7mm	m	Tiêu chuẩn ASMT D2241/TCVN 8491:2011.ISO 1452:2009		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đế Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển	8,800	8,800	8,800	8,800	
Vật tư ngành nước	Ông uPVC D27x1.9mm	m	Tiêu chuẩn ASMT D2241/TCVN 8491:2011.ISO 1452:2010		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đế Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển	12,400	12,400	12,400	12,400	
Vật tư ngành nước	Ông uPVC D34x2.1mm	m	Tiêu chuẩn ASMT D2241/TCVN 8491:2011.ISO 1452:2011		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đế Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển	17,400	17,400	17,400	17,400	

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật tư ngành nước	Ông uPVC D42x2.1mm	m	Tiêu chuẩn ASMT D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2012		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển		23,000	23,000	23,000	23,000
Vật tư ngành nước	Ông HDPE D20x1.8mm	m	Tiêu chuẩn ISO 4427:2007		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển		7,400	7,400	7,400	7,400
Vật tư ngành nước	Ông HDPE D25x2.0mm	m	Tiêu chuẩn ISO 4427:2007		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển		10,200	10,200	10,200	10,200
Vật tư ngành nước	Ông HDPE D32x2.0mm	m	Tiêu chuẩn ISO 4427:2007		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển		13,600	13,600	13,600	13,600
Vật tư ngành nước	Ông HDPE D40x2.0mm	m	Tiêu chuẩn ISO 4427:2007		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển		17,200	17,200	17,200	17,200
Vật tư ngành nước	Ông PPR D20x2.3mm	m	Tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển		21,200	21,200	21,200	21,200
Vật tư ngành nước	Ông PPR D25x2.8mm	m	Tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển		37,900	37,900	37,900	37,900
Vật tư ngành nước	Ông PPR D32x2.9mm	m	Tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển		49,100	49,100	49,100	49,100
Vật tư ngành nước	Ông PPR D40x3.7mm	m	Tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09		Công ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại nhà máy, không bao gồm chi phí vận chuyển		65,900	65,900	65,900	65,900
Vật tư ngành nước	Bê xi bet loại kết liền (VK-1858)	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam	Việt Nam				6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704
Vật tư ngành nước	Bê xi bet loại kết liền (VK-1863)	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam	Việt Nam				6,481,481	6,481,481	6,481,481	6,481,481
Vật tư ngành nước	Bê xi bet loại kết rời (VK-2162)	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam	Việt Nam				3,888,000	3,888,000	3,888,000	3,888,000
Vật tư ngành nước	Bê xi bet loại kết rời (VK-2397)	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam	Việt Nam				2,777,000	2,777,000	2,777,000	2,777,000
Vật tư ngành nước	Chấu rứa loại treo tường (VK-0969.1H)	Cái	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam	Việt Nam				862,000	862,000	862,000	862,000
Cát xây dựng	Cát xây dựng	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Quang Vinh Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán ở huyện Tân Châu	Giao tại bãi Quang Vinh					245,000
Cát xây dựng	Cát xây dựng - cát vàng, cát trắng (cát thô)	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh	Việt Nam	Giá bán ở huyện Dương Minh Châu	Giao tại bãi K1 và K9 huyện Dương Minh Châu					245,000
Cát xây dựng	Cát xây dựng	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH TM DV Phú Quân	Việt Nam	Giá bán ở huyện Dương Minh Châu	Giao tại bãi cát Phú Quân huyện Dương Minh Châu					245,000
Cát xây dựng	Cát xây, tô	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CPXD và VLXD Hùc Ngộ - Nhà cung cấp CNC Cty TNHH Việt Úc (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	340,000			
Cát xây dựng	Cát xây, tô	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phú Châu	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá không đổi			405,000	
Cát xây dựng	Cát xây tô (hạt vừa, cát sạch)	m3			Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Cường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán	Giá được 10 khối, Cát Việt Úc				380,000
Vật liệu san lấp	Cát long nền	m3			Việt Nam			Giá tại nơi bán	Giá được 10 khối, Cát Việt Úc				320,000
Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH MTV TM XD Tổng Thành Đạt - Mô Bình Phước (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đá bao gồm chi phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Tân Biên	Giá bán tăng				680,000
Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH MTV TM XD Tổng Thành Đạt - Mô Bình Phước (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đá bao gồm chi phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Tân Biên	Giá bán tăng				620,000
Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Công ty TNHH MTV TM XD Tổng Thành Đạt - Mô Bình Phước (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đá bao gồm chi phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Tân Biên	Giá bán tăng				550,000
Đá xây dựng	Đá 1x2 Bình Phước	m3			Công ty CPXD và VLXD Hùc Ngộ - (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	610,000			
Đá xây dựng	Đá 4x6 Bình Phước	m3			Công ty CPXD và VLXD Hùc Ngộ - (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	590,000			
Đá xây dựng	Đá 0x4 Bình Phước	m3			Công ty CPXD và VLXD Hùc Ngộ - (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Đổi quy cách, chủng loại vật tư	520,000			
Đá xây dựng	Đá mi	m3			Công ty CPXD và VLXD Hùc Ngộ - Mô Đồng Nai (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	390,000			
Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phú Châu	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá không đổi			675,000	
Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phú Châu	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá không đổi			650,000	
Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phú Châu	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá không đổi			550,000	
Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Công ty TNHH Đồng Thuận Hà		Giá tại hầm Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển		170,000			
Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Công ty TNHH Đồng Thuận Hà		Giá tại hầm Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển		191,000			
Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Công ty TNHH Khai thác Khoáng Sản Bàu Nọc	Việt Nam		Không có thông tin					66,000
Vật liệu san lấp	Sỏi phún	m3			Công ty TNHH Khai thác Khoáng Sản Bàu Nọc	Việt Nam		Không có thông tin					168,000
Xi măng	XM Fico PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Cty TNHH Kinh doanh tiếp thị XM Fico-YTL	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Đá bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	88,600	88,600	88,600	88,600



Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Xi măng	Xi măng Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại NM.Bình Phước	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới		1,438,889	1,317,593	1,312,963
Xi măng	Xi măng Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao KPK)	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại NM.Bình Phước	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới		1,392,593	1,271,296	1,266,667
Xi măng	Xi măng Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao KPK)	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại NM.Bình Phước	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới		1,041,667	1,041,667	
Xi măng	Xi măng Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao KPK)	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại TN.Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,060,185			
Xi măng	Xi măng Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại TN.Long An (xuất bộ)	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,328,704			
Xi măng	Xi măng Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao KPK)	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại TN.Long An (xuất bộ)	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,282,407			
Xi măng	Xi măng Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại TN.Long An (xuất thủy)	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,312,963			
Xi măng	Xi măng Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao KPK)	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại TN.Long An (xuất thủy)	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,296,296			
Xi măng	Power Cement	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại NM.Bình Phước, TN.Long An	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,115,741			
Xi măng	Hà Tiên 1	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50 kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại NM.Bình Phước	Mức giá kê khai được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,435,185	1,398,148	1,259,259	1,268,519
Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	Công ty CPXD và VLXD Hết Nghi- Nhà cung cấp Cty TNHH kinh doanh tiếp thị XM Fico-YTL (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	89,000			
Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH Toàn Tâm- Nhà cung cấp Cty TNHH kinh doanh tiếp thị XM Fico-YTL (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại trung tâm huyện Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	86,000			
Xi măng	Xi măng Fico	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH MTV TM ĐV Tổng Thành Đạt (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tổng Thành Đạt (168 Phạm Hùng (Q. 22B) KPI thị trấn Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh)	Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Tân Biên					87,500
Xi măng	Xi măng bao PCB 40	bao	Phiếu QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	bao 50 kg	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP Tây Ninh	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	80,000	80,000	80,000	80,000	
Xi măng	Xi măng rời PCB50	tấn	Phiếu QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	bao 50 kg	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP Tây Ninh	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	1,650,000	1,650,000	1,650,000	1,650,000	
	Xi măng Vicem Ha Long PCB40	tấn	QCVN16:2023/BXD; TCVN 6260:2020 dành cho PCB40	Dạng bao (50kg ± 0,5 kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Ha Long	Việt Nam	Nhãn hàng tại nhà máy (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí khác		Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704
	Xi măng Vicem Ha Long Bến Sơn Phát PCB40-MS	tấn	TCVN 7711:2013	Dạng bao (50kg ± 0,5 kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Ha Long	Việt Nam	Nhãn hàng tại nhà máy (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí khác		Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704
	Xi măng Vicem Ha Long Xây số	tấn	TCVN 6260:2020 dành cho Xây số	Dạng bao (40kg ± 0,4 kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Ha Long	Việt Nam	Nhãn hàng tại nhà máy (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí khác		Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704
	Xi măng Vicem Ha Long PCB40	tấn	QCVN16:2023/BXD; TCVN 6260:2020 dành cho PCB40	Dạng rời (Xá)	Công ty TNHH MTV xi măng Ha Long	Việt Nam	Nhãn hàng tại nhà máy (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí khác		Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,111,111	1,111,111	1,111,111	1,111,111
	Xi măng Vicem Ha Long PCB50	tấn	QCVN16:2023/BXD; TCVN 6260:2020 dành cho PCB50	Dạng rời (Xá)	Công ty TNHH MTV xi măng Ha Long	Việt Nam	Nhãn hàng tại nhà máy (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí khác		Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704
	Xi măng Vicem Ha Long PCB50	tấn	QCVN16:2023/BXD; TCVN 6260:2020 dành cho PCB50	Dạng bao (50kg ± 0,5 kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Ha Long	Việt Nam	Nhãn hàng tại nhà máy (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí khác		Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259
Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	Cửa hàng VLXD Minh Hoai	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá không đổi			90,000	
Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá không đổi			83,200	
Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH TM Vật tư xây dựng Phát Đạt	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá bán giảm			90,000	
Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	VLXD An Nguyễn	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện	Giá không đổi			86,000	
Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	VLXD Phi Thành	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán bao gồm chi phí vận chuyển trong địa bàn Huyện				90,000	
Xi măng	Xi măng Hà Tiên Vincem	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Cường Thịnh	Việt Nam		Giá tại nơi bán				82,000	
Trần, vách thạch cao	Khung trần chìm Vĩnh Tường VTC-SERRA BV1 NV	thanh			Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		102,636	102,636	102,636	102,636
Trần, vách thạch cao	Khung trần chìm Vĩnh Tường VTC-SERRA FM19 NV	thanh			Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		71,182	71,182	71,182	71,182

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vĩnh Tường VT-SmartLINE 3660 NT	thanh			Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		84,848	84,848	84,848	84,848
Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vĩnh Tường VT-SmartLINE 3600 NT	thanh			Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		84,848	84,848	84,848	84,848
Trần, vách thạch cao	Cửa nhôm trần Vĩnh Tường Jyproc TC 9mm (600x600/800x800)	cai			Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		190,370	190,370	190,370	190,370
Trần, vách thạch cao	Vĩnh Tường DECO Sakura 1 (Tấm đục lỗ) 605x1210x9mm	tấm			Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		40,556	40,556	40,556	40,556
Trần, vách thạch cao	Vĩnh Tường DECO Plus Siêu Trắng (Tấm đục lỗ) 605x1210x8mm	tấm			Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		29,074	29,074	29,074	29,074
Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Van Phát Hưng Dosi Line (Khung phổ thông) bằng vật liệu thép đã phủ sơn mạ. Tấm thạch cao Hoàng Kim Laser Van Phát Hưng	m2	ASTM C635	Thanh T chính: 3660; 3660x24x38x0.25 Thanh T phụ 1220; 1220x24x28x0.25 Thanh T phụ 610; 610x24x28x0.25 Thanh V Sơn: 3600x20x20x0.30 Tấm Hoàng Kim nền thạch cao: 605x1210x8.0	Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đến chân công trình	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000
Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Van Phát Hưng Dosi Line (Khung phổ thông) bằng vật liệu thép đã phủ sơn mạ. Tấm xi măng (sợi xenlulozơ) Hoàng Kim Laser chống ẩm chống nước (Tấm Uco Malaysia)	m2	ASTM C635	Thanh T chính: 3660; 3660x24x38x0.25 Thanh T phụ 1220; 1220x24x28x0.25 Thanh T phụ 610; 610x24x28x0.25 Thanh V Sơn: 3600x20x20x0.30 Tấm Hoàng Kim nền UCO: 605x1210x0.32	Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đến chân công trình	Giá không đổi	125,000	125,000	125,000	125,000
Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Van Phát Hưng INOX Apec Line (Khung cao cấp). Tấm thạch cao Hoàng Kim Laser Van Phát Hưng	m2	ASTM C635	Thanh T chính: 3660; 3660x24x32x0.28 Thanh T phụ 1220; 1220x24x22x0.28 Thanh T phụ 610; 610x24x32x0.28 Thanh V Inox: 3600x20x20x0.27 Tấm Hoàng Kim nền thạch cao: 605x1210x8.0	Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đến chân công trình	Giá không đổi	150,000	150,000	150,000	150,000
Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Van Phát Hưng INOX Apec Line (Khung cao cấp). Tấm xi măng (sợi xenlulozơ) Hoàng Kim Laser chống ẩm chống nước (Tấm Uco Malaysia)	m2	ASTM C635	Thanh T chính: 3660; 3660x24x32x0.28 Thanh T phụ 1220; 1220x24x22x0.28 Thanh T phụ 610; 610x24x32x0.28 Thanh V Inox: 3600x20x20x0.27 Tấm Hoàng Kim nền UCO: 605x1210x8.0	Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đến chân công trình	Giá không đổi	165,000	165,000	165,000	165,000
Trần, vách thạch cao	Khung trần chìm đồng dạng Van Phát Hưng m29. Tấm thạch cao Knauf tiêu chuẩn 9mm	m2	ASTM C635	Thanh U: 35x14.5x4000x0.29 Thanh V: 20x20x4000x0.29	Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đến chân công trình	Giá không đổi	101,000	101,000	101,000	101,000
Trần, vách thạch cao	Khung trần chìm đồng dạng Van Phát Hưng m29. Tấm thạch cao Knauf chống ẩm 9mm	m2	ASTM C635	Thanh U: 35x14.5x4000x0.29 Thanh V: 20x20x4000x0.29	Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đến chân công trình	Giá không đổi	128,000	128,000	128,000	128,000
Trần, vách thạch cao	VPH T3.6 (Soc đen-Soc sáng-Soc xanh Groove Line)	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng (Phiếu khảo sát)		Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		39,900			
Trần, vách thạch cao	VPH T1.2 (Soc đen-Soc sáng-Soc xanh Groove Line)	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng (Phiếu khảo sát)		Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		13,500			
Trần, vách thạch cao	VPH T0.6 (Soc đen-Soc sáng-Soc xanh Groove Line)	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng (Phiếu khảo sát)		Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		7,900			
Trần, vách thạch cao	VPH T3.6 (Dosi Line)	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng (Phiếu khảo sát)		Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		34,500			
Trần, vách thạch cao	VPH T1.2 (Dosi Line)	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Van Phát Hưng (Phiếu khảo sát)		Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		10,900			

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Trần, vách thạch cao	VPH T0.6 (Doxi Line)	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Văn Phú Hạng (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		5,700			
Trần, vách thạch cao	Tấm Duraflex in hoa vân 3mm	tấm			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		30,500			
Trần, vách thạch cao	Tấm Duraflex sơn trắng 3mm	tấm			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		28,500			
Trần, vách thạch cao	Tấm Anh Kim 3mm	tấm			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		46,000			
Trần, vách thạch cao	VT-SMARTLINE T3.6	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		67,900			
Trần, vách thạch cao	VT-SMARTLINE T1.2	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		22,500			
Trần, vách thạch cao	VT-SMARTLINE T0.6	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		11,800			
Trần, vách thạch cao	VT-FINELINE T3.6	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		57,200			
Trần, vách thạch cao	VT-FINELINE T1.2	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		16,900			
Trần, vách thạch cao	VT-FINELINE T0.6	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		8,900			
Trần, vách thạch cao	VT-V số	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		30,800			
Trần, vách thạch cao	VT-U ALPHA	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		48,200			
Trần, vách thạch cao	VT-U TIKA	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		37,200			
Trần, vách thạch cao	VT-V chìm	thanh			Cửa hàng thạch cao Tân Lực - Nhà cung cấp Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại kho ở TP. Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		21,200			
Nhóm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ ghê) có định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2,570,000	2,570,000	2,570,000	2,570,000
Nhóm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ ghê) có định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2,230,000	2,230,000	2,230,000	2,230,000
Nhóm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm có đồ định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2,815,000	2,815,000	2,815,000	2,815,000
Nhóm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm có đồ định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2,570,000	2,570,000	2,570,000	2,570,000
Nhóm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm có đồ định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2,150,000	2,150,000	2,150,000	2,150,000
Nhóm kính	Hệ NS-55: Cửa sổ mở/ lùa, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0mm Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000
Nhóm kính	Hệ NS-55: Cửa sổ mở/ lùa, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2,470,000	2,470,000	2,470,000	2,470,000
Nhóm kính	Hệ NS-55: Cửa sổ mở/ lùa, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2,180,000	2,180,000	2,180,000	2,180,000
Nhóm kính	Hệ NS-55: Vách kính/khung có định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0mm Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		1,900,000	1,900,000	1,900,000	1,900,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Nhóm kính	Hệ NS-55: Vách kính/khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1,4 mm. Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm.	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000
Nhóm kính	Hệ NS-55: Vách kính/khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1,2 mm. Kính trắng Công nghiệp Hà Long-CFG dày 5mm.	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000
Nhóm kính	Cửa đi LV50 1 cánh, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010	Kích thước 0.9m x 2.2mm	Công ty TNHH Long Văn NTV	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nhóm chống ăn mòn muối biển, môi trường khắc nghiệt, phù hợp với các công trình cao tầng, đảm bảo độ bền màu 50 năm.	Giao hàng tại chân công trình, Chưa bao gồm Phụ kiện, kính, chi phí lắp đặt		2,241,000	2,241,000	2,241,000	2,241,000
Nhóm kính	Cửa đi LV50 1 cánh + Fix, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010	Kích thước 0.9m x 2.7mm	Công ty TNHH Long Văn NTV	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nhóm chống ăn mòn muối biển, môi trường khắc nghiệt, phù hợp với các công trình cao tầng, đảm bảo độ bền màu 50 năm.	Giao hàng tại chân công trình, Chưa bao gồm Phụ kiện, kính, chi phí lắp đặt		2,182,000	2,182,000	2,182,000	2,182,000
Nhóm kính	Cửa đi LV50 2 cánh, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010	Kích thước 1.6m x 2.2mm	Công ty TNHH Long Văn NTV	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nhóm chống ăn mòn muối biển, môi trường khắc nghiệt, phù hợp với các công trình cao tầng, đảm bảo độ bền màu 50 năm.	Giao hàng tại chân công trình, Chưa bao gồm Phụ kiện, kính, chi phí lắp đặt		2,125,000	2,125,000	2,125,000	2,125,000
Nhóm kính	Cửa đi LV50 2 cánh + Fix, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010	Kích thước 1.6m x 2.7mm	Công ty TNHH Long Văn NTV	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nhóm chống ăn mòn muối biển, môi trường khắc nghiệt, phù hợp với các công trình cao tầng, đảm bảo độ bền màu 50 năm.	Giao hàng tại chân công trình, Chưa bao gồm Phụ kiện, kính, chi phí lắp đặt		2,226,000	2,226,000	2,226,000	2,226,000
Nhóm kính	Kính trắng cường lực dày 6mm	m2			Công ty TNHH Long Văn NTV	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại chân công trình, Chưa bao gồm Phụ kiện, kính, chi phí lắp đặt		235,000	235,000	235,000	235,000
Nhóm kính	Kính trắng cường lực dày 8mm	m2			Công ty TNHH Long Văn NTV	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại chân công trình, Chưa bao gồm Phụ kiện, kính, chi phí lắp đặt		305,000	305,000	305,000	305,000
Nhóm kính	Kính trắng cường lực dày 10mm	m2			Công ty TNHH Long Văn NTV	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại chân công trình, Chưa bao gồm Phụ kiện, kính, chi phí lắp đặt		375,000	375,000	375,000	375,000
Nhóm kính	bộ phụ kiện Long Văn: tay nắm, thân khóa, lõi khóa 2 đầu chìa, móng khóa, bản lề, bảo hành 2 năm	bộ			Công ty TNHH Long Văn NTV	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại chân công trình, Chưa bao gồm Phụ kiện, kính, chi phí lắp đặt		1,802,000	1,802,000	1,802,000	1,802,000
Nhóm kính	bộ phụ kiện Drako: tay nắm, bụng cửa, lõi khóa, miếng khóa, bản lề, bảo hành theo nhà cung cấp	bộ			Công ty TNHH Long Văn NTV	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giao hàng tại chân công trình, Chưa bao gồm Phụ kiện, kính, chi phí lắp đặt		654,000	654,000	654,000	654,000
Nhóm kính	Hệ nhôm RICOCCO TY-55: Cửa đi mô/hoa 1 cánh & 2 cánh, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2mm. Kính trắng Viglacera dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Tung Yang	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Trừ Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		2,220,000	2,220,000		2,220,000
Nhóm kính	Hệ nhôm RICOCCO TY-55: Cửa đi mô/hoa 1 cánh & 2 cánh, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4mm. Kính trắng Viglacera dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Tung Yang	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Trừ Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		2,550,000	2,550,000		2,550,000
Nhóm kính	Hệ nhôm RICOCCO TY-55: Cửa đi mô/hoa 1 cánh & 2 cánh, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2mm. Kính trắng Viglacera dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Tung Yang	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Trừ Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		2,800,000	2,800,000		2,800,000
Nhóm kính	Hệ nhôm RICOCCO TY-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2mm (cánh trên 1m2). Kính trắng Viglacera dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Tung Yang	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Trừ Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		2,200,000	2,200,000		2,200,000
Nhóm kính	Hệ nhôm RICOCCO TY-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4mm (cánh trên 1m2). Kính trắng Viglacera dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Tung Yang	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Trừ Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		2,400,000	2,400,000		2,400,000
Nhóm kính	Hệ nhôm RICOCCO TY-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2mm (cánh trên 1m2). Kính trắng Viglacera dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Tung Yang	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Trừ Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		2,675,000	2,675,000		2,675,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng				
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu	
Nhóm kính	Hệ nhóm RICCO TY-55: Vách kính/khung cố định, màu son tinh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2mm (cánh trên 1m2). Kính trắng Viglacera dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Tung Yang	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Trừ Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh			1,785,000	1,785,000		1,785,000
Nhóm kính	Hệ nhóm RICCO TY-55: Vách kính/khung cố định, màu son tinh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4mm (cánh trên 1m2). Kính trắng Viglacera dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Tung Yang	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Trừ Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh			1,850,000	1,850,000		1,850,000
Nhóm kính	Hệ nhóm RICCO TY-55: Vách kính/khung cố định, màu son tinh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2mm (cánh trên 1m2). Kính trắng Viglacera dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Tung Yang	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Trừ Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng)	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh			1,950,000	1,950,000		1,950,000
Nhóm kính	Cửa đi nhôm KAMCO nhập khẩu MALAYSIA	m2		Thành nhóm hệ 55 bao cánh 87mm màu sơn metalic, phụ kiện CANDY, kính cường lực 8ly, độ dày 2mm	Trung tâm phụ màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH SX Nhóm Trường Thành	Malaysia	Giá bán đã bao gồm chi phí lắp đặt hoàn thiện, giá bán ở thị xã Hòa Thành	Vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng	Giá không đổi		2,850,000			
Nhóm kính	Cửa đi nhôm XINGFA nhập khẩu QUẢNG ĐÔNG	m2		Thành nhóm cửa đi dày 2ly, kính cường lực 8ly, phụ kiện đồng bộ KINLONG	Trung tâm phụ màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH SX Nhóm Trường Thành	Quảng Đông	Giá bán đã bao gồm chi phí lắp đặt hoàn thiện, giá bán ở thị xã Hòa Thành	Vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng	Giá không đổi		2,200,000			
Nhóm kính	Cửa đi nhôm XINGFA VIỆT NAM nhập khẩu GOLD DOOR Cty Trường Thành	m2		Thành nhóm cửa đi dày 2ly, kính cường lực 8ly, phụ kiện đồng bộ KINLONG	Trung tâm phụ màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH SX Nhóm Trường Thành	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí lắp đặt hoàn thiện, giá bán ở thị xã Hòa Thành	Vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng	Giá không đổi		2,000,000			
Nhóm kính	Cửa nhôm Maxpro hệ 55 nhập khẩu Nhật Bản	m2		Thành nhóm mạ Anodic không muối biển hệ 55, phụ kiện Cmech nhập khẩu Mỹ, kính cường lực	Trung tâm phụ màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH SX Nhóm Trường Thành	Maxpro Nhật Bản	Giá bán đã bao gồm chi phí lắp đặt hoàn thiện, giá bán ở thị xã Hòa Thành	Vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng	Giá không đổi		3,000,000			
Nhóm kính	Cửa đi vát cạnh hệ 55	m2		Thành nhóm vát cạnh hệ 55 son tinh điện dày 1ly4 kính cường lực 8.ly	Trung tâm phụ màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH SX Nhóm Trường Thành	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí lắp đặt hoàn thiện, giá bán ở thị xã Hòa Thành	Vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng	Giá không đổi		1,700,000			
Nhóm kính	Cửa nhôm PMI hệ 55 son tinh điện	m2		Thành nhóm PMI nhập khẩu Malaysia son tinh điện phụ kiện Huy Hoàng	Trung tâm phụ màu Thảo Minh - Nhà cung cấp Công ty TNHH SX Nhóm Trường Thành	Malaysia	Giá bán đã bao gồm chi phí lắp đặt hoàn thiện, giá bán ở thị xã Hòa Thành	Vận chuyển tùy thuộc vào đơn hàng	Giá không đổi		2,700,000			
Nhóm kính	Cửa đi nhôm kính: - Khung nhôm Xingfa hệ 55 VN - 2 li - Kính cường lực 8li - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, ổ khóa, bản lề, chốt...)	m2			Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển			2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000
Nhóm kính	Cửa sổ nhôm kính: - Khung nhôm Xingfa hệ 55 VN - 1.4 li - Kính cường lực 8li - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, khóa chốt, bản lề...)	m2			Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển			2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000
Nhóm kính	Cửa đi sắt kính: - Khung sắt hộp vuông 40x40mm - 1.2 li - Kính trắng 5li - Tộc tấm 1li - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, ổ khóa, bản lề, chốt...)	m2			Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển			1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000
Nhóm kính	Cửa sổ sắt kính: - Khung sắt hộp vuông 20x40mm - 1.2 li - Kính trắng 5li - Song sắt vuông 20x20mm - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, ổ khóa, bản lề, chốt...)	m2			Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển			1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000
Nhóm kính	Vách ngăn nhôm kính: - Khung nhôm Xingfa hệ 1000 - Kính cường lực 5li	m2			Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển			850,000	850,000	850,000	850,000
Nhóm kính	Cửa đi mở quay 1 cánh. Khung nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55 dày 2.0mm. Kính trắng cường lực 8mm PK. Drah hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012	900x2200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.		3,060,000	3,060,000	3,060,000	3,060,000
Nhóm kính	Cửa đi mở quay 1 cánh. Khung nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55 dày 1.4mm. Kính trắng cường lực 8mm PK. Drah hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012	900x2200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.		2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Nhóm kính	Cửa đi mở quay 2 cánh. Khấu nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55, dày 2.0mm. Kính trắng cường lực 8mm PK. Draho hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16 2019 TCVN 9366-2:2012	1800x2200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000
Nhóm kính	Cửa đi mở quay 2 cánh. Khấu nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55, dày 1.4mm. Kính trắng cường lực 8mm PK. Draho hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16 2019 TCVN 9366-2:2012	1800x2200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.	2,470,000	2,470,000	2,470,000	2,470,000
Nhóm kính	Cửa đi mở quay 4 cánh. Khấu nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55, dày 2.0mm. Kính trắng cường lực 8mm PK. Draho hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16 2019 TCVN 9366-2:2012	3600x2200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000
Nhóm kính	Cửa đi mở quay 4 cánh. Khấu nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55, dày 1.4mm. Kính trắng cường lực 8mm PK. Draho hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16 2019 TCVN 9366-2:2012	3600x2200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.	2,320,000	2,320,000	2,320,000	2,320,000
Nhóm kính	Cửa sổ mở quay 1 cánh. Khấu nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55, dày 1.4mm. Kính trắng cường lực 8mm PK. Draho hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16 2019 TCVN 9366-2:2012	700x1200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.	3,160,000	3,160,000	3,160,000	3,160,000
Nhóm kính	Cửa sổ mở quay 1 cánh. Khấu nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55, dày 1.2mm. Kính trắng cường lực 8mm PK. Draho hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16 2019 TCVN 9366-2:2012	700x1200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000
Nhóm kính	Cửa sổ mở quay 2 cánh. Khấu nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55, dày 1.4mm. Kính trắng cường lực 8mm PK. Draho hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16 2019 TCVN 9366-2:2012	1400x1200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.	3,020,000	3,020,000	3,020,000	3,020,000
Nhóm kính	Cửa sổ mở quay 2 cánh. Khấu nhôm biên dạng Xingfa Đại Tân hệ 55, dày 1.2mm. Kính trắng cường lực 5mm PK. Draho hoặc Kinlong.	m2	QCVN 16 2019 TCVN 9366-2:2012	1400x1200	Công ty TNHH SX TM Đầu Tư Nhóm An Lập Phát	Việt Nam	Theo điều khoản HD	Chưa bao gồm	+ Giá chưa bao gồm: - Thuế giá trị gia tăng - Chi phí vận chuyển, lắp đặt.	2,850,000	2,850,000	2,850,000	2,850,000
Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 20 (9,5 KN/m)	m2		4m*250m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm. Đơn giá trên áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ cuộn thì được cộng thêm 1.000đ/m2	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		18,109	18,061	18,061	18,061
Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 30 (11,5 KN/m)	m2		4m*225m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm. Đơn giá trên áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ cuộn thì được cộng thêm 1.000đ/m2	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		21,311	21,148	21,148	21,148
Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 40 (13,5 KN/m)	m2		4m*200m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm. Đơn giá trên áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ cuộn thì được cộng thêm 1.000đ/m2	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		24,084	23,640	23,640	23,640
Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 50 (15,0 KN/m)	m2		4m*175m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm. Đơn giá trên áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ cuộn thì được cộng thêm 1.000đ/m2	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		26,651	26,042	26,042	26,042
Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 60 (19,0 KN/m)	m2		4m*135m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm. Đơn giá trên áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ cuộn thì được cộng thêm 1.000đ/m2	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		33,334	32,252	32,252	32,252
Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 65 (21,5 KN/m)	m2		4m*125m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm. Đơn giá trên áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ cuộn thì được cộng thêm 1.000đ/m2	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		37,202	36,459	36,459	36,459

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 70 (24,5 KN/m)	m2		4m*100m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm. Đơn giá trên áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ cuộn thì được cộng thêm 1.000đ/m2	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		43,033	42,052	42,052	42,052
Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 80 (28,0 KN/m)	m2		4m*90m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm. Đơn giá trên áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ cuộn thì được cộng thêm 1.000đ/m2	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		51,966	50,565	50,565	50,565
Vải địa	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 12 (kN/m)	m2			Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh An Giang	Giá không đổi	11,050	11,050	11,050	11,050
Vải địa	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 15 (kN/m)	m2			Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh An Giang	Giá không đổi	14,300	14,300	14,300	14,300
Vải địa	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 17 (kN/m)	m2			Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh An Giang	Giá không đổi	16,800	16,800	16,800	16,800
Ro đã và thêm đã bóc như PVC	Dây đan 2.2/3.2 mm-Dây viên 2.7/3.7 mm (mức lưới P8)	m2		Thảm mủ kẽm trung bình>50g/m2 (TCVN2053:1993)	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		50,317	50,317	50,317	50,317
Ro đã và thêm đã bóc như PVC	Dây đan 2.4/3.4 mm-Dây viên 2.7/3.7 mm (mức lưới P8)	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		53,621	53,621	53,621	53,621
Ro đã và thêm đã bóc như PVC	Dây đan 2.7/3.7 mm-Dây viên 3.4/4.4 mm (mức lưới P8)	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		63,019	63,019	63,019	63,019
Ro đã và thêm đã bóc như PVC	Dây đan 2.2/3.2 mm-Dây viên 2.7/3.7 mm (mức lưới P10)	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		46,998	46,998	46,998	46,998
Ro đã và thêm đã bóc như PVC	Dây đan 2.4/3.4 mm-Dây viên 2.7/3.7 mm (mức lưới P10)	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		50,414	50,414	50,414	50,414
Ro đã và thêm đã bóc như PVC	Dây đan 2.7/3.7 mm-Dây viên 3.4/4.4 mm (mức lưới P10)	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam	Đơn giá chưa bao gồm chi phí thi nghiệm	Giao trên phương tiện bán bán, giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		55,453	55,453	55,453	55,453
Gỗ xây dựng	Ván cốppha gỗ ép 0,2x4m	tầm			Cửa hàng VLXD Trường Anh (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng ở Tx. Trảng Bàng	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển					82,000
Gỗ xây dựng	Ván cốppha gỗ ép 0,25x4m	tầm			Cửa hàng VLXD Trường Anh (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng ở Tx. Trảng Bàng	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển					102,000
Gỗ xây dựng	Ván cốppha gỗ ép 0,3x4m	tầm			Cửa hàng VLXD Trường Anh (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng ở Tx. Trảng Bàng	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển					125,000
Gỗ xây dựng	Ván cốppha gỗ ép 0,35x4m	tầm			Cửa hàng VLXD Trường Anh (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng ở Tx. Trảng Bàng	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển					140,000
Gỗ xây dựng	Ván cốppha gỗ ép 0,4x4m	tầm			Cửa hàng VLXD Trường Anh (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng ở Tx. Trảng Bàng	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển					160,000
Gỗ xây dựng	Tấm cốppha gỗ ép 0,5x4m	tầm			Cửa hàng VLXD Trường Anh (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng ở Tx. Trảng Bàng	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển					200,000
Gỗ xây dựng	Cây chống tràn nước 4m	cây			Cửa hàng VLXD Trường Anh (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại cửa hàng ở Tx. Trảng Bàng	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển					35,000
Gỗ xây dựng	Ván cốppha gỗ ép 0,2x4m	tầm			Công ty TNHH Minh Phú Thành Phát	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	112,000			
Gỗ xây dựng	Ván cốppha gỗ ép 0,25x4m	tầm			Công ty TNHH Minh Phú Thành Phát	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	139,000			
Gỗ xây dựng	Ván cốppha gỗ ép 0,3x4m	tầm			Công ty TNHH Minh Phú Thành Phát	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá không đổi	167,000			
Bê tông thương phẩm	Bê tông M100	m3		Độ sụt 10~2	DNTN Lê Thành Công (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m <sup>3</sup> . Khối lượng thấp ≤ 4m <sup>3</sup> sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình					1,136,364
Bê tông thương phẩm	Bê tông M150	m3		Độ sụt 10~2	DNTN Lê Thành Công (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m <sup>3</sup> . Khối lượng thấp ≤ 4m <sup>3</sup> sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình					1,181,818
Bê tông thương phẩm	Bê tông M200	m3		Độ sụt 10~2	DNTN Lê Thành Công (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m <sup>3</sup> . Khối lượng thấp ≤ 4m <sup>3</sup> sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình					1,227,273
Bê tông thương phẩm	Bê tông M250	m3		Độ sụt 10~2	DNTN Lê Thành Công (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m <sup>3</sup> . Khối lượng thấp ≤ 4m <sup>3</sup> sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình					1,272,727
Bê tông thương phẩm	Bê tông M300	m3		Độ sụt 10~2	DNTN Lê Thành Công (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m <sup>3</sup> . Khối lượng thấp ≤ 4m <sup>3</sup> sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình					1,318,182
Bê tông thương phẩm	Bê tông M350	m3		Độ sụt 10~2	DNTN Lê Thành Công (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m <sup>3</sup> . Khối lượng thấp ≤ 4m <sup>3</sup> sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình					1,363,636

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Bê tông thương phẩm	Bê tông M400	m <sup>3</sup>		Độ sụt 10±2	DNTN Lê Thành Công (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m <sup>3</sup> . Khối lượng thấp ≤ 4m <sup>3</sup> sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.					1,409,091	
Bê tông thương phẩm	Vữa chống thấm hai thành phần gốc xi-măng có độ bám dính cao LeaSeal WP502	bô	- BS EN 14891:2017 - TCVN 12690:2020	30 kg/bô	Công ty CP DTXD SOL E&C (LeaSeal)	Việt Nam	Điều kiện thanh toán và vận chuyển áp dụng theo Hợp đồng	Giao hàng tại kho LeaSeal: 900 đường 781, Ấp Ninh Bình, Bầu Nặng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Giá chưa bao gồm phí vận chuyển tới dự án.		5,310,000	5,310,000	5,310,000	5,310,000
Bê tông thương phẩm	Vữa chống thấm hai thành phần gốc xi-măng có độ bám dính cao LeaSeal WP502Flex501	bô	- BS EN 14891:2017 - TCVN 12690:2020	20 kg/bô	Công ty CP DTXD SOL E&C (LeaSeal)	Việt Nam	Điều kiện thanh toán và vận chuyển áp dụng theo Hợp đồng	Giao hàng tại kho LeaSeal: 900 đường 781, Ấp Ninh Bình, Bầu Nặng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Giá chưa bao gồm phí vận chuyển tới dự án.		3,460,000	3,460,000	3,460,000	3,460,000
Bê tông thương phẩm	Vữa rót không co ngót gốc xi-măng, mác 400 LeaSeal Groat 400	bao	- TCVN 9204:2012	25 kg/bao	Công ty CP DTXD SOL E&C (LeaSeal)	Việt Nam	Điều kiện thanh toán và vận chuyển áp dụng theo Hợp đồng	Giao hàng tại kho LeaSeal: 900 đường 781, Ấp Ninh Bình, Bầu Nặng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Giá chưa bao gồm phí vận chuyển tới dự án.		450,000	450,000	450,000	450,000
Bê tông thương phẩm	Vữa rót không co ngót gốc xi-măng, mác 600 LeaSeal Groat 600	bao	- TCVN 9204:2012	25 kg/bao	Công ty CP DTXD SOL E&C (LeaSeal)	Việt Nam	Điều kiện thanh toán và vận chuyển áp dụng theo Hợp đồng	Giao hàng tại kho LeaSeal: 900 đường 781, Ấp Ninh Bình, Bầu Nặng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Giá chưa bao gồm phí vận chuyển tới dự án.		500,000	500,000	500,000	500,000
Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy 4kg	binh			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		400,000			
Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy 8kg	binh			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		550,000			
Thiết bị PCCC	Kệ đựng bình chữa cháy	bộ			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		110,000			
Thiết bị PCCC	Tủ PCCC nhỏ	cái			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		250,000			
Thiết bị PCCC	Riêu cứu nạn	cái		Trọng lượng 2kg, cán dài 90cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao	Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		315,000			
Thiết bị PCCC	Xà ben	cái		Một đầu nhọn, một đầu det, dài 100cm	Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		250,000			
Thiết bị PCCC	Xà cây 60cm	cái		Một đầu nhọn, một đầu móc nhỏ dính	Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		190,000			
Thiết bị PCCC	Búa tạ	cái		Thép cacbon cường độ cao, nặng 5kg, cán dài 50cm	Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		325,000			
Thiết bị PCCC	Kim công lực	cái		Dài 60cm, tài cắt 60kg	Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		325,000			
Thiết bị PCCC	Công cụ thương mại cam	cái		Model: KTVN-TT150 gập 2 khúc, có túi quai xách in TT150	Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		1,456,000			
Thiết bị PCCC	Mặt nạ lọc độc 40p	cái	QCVN 10:2012/BLDTBXH	MÁ KT-40	Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		520,000			
Thiết bị PCCC	Lăng phun chữa cháy Tomken D50	cái			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Vũ (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh, Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		75,000			

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Thiết bị PCCC	Trang phục chữa cháy TTI50	bộ			Phân phối thiết bị Điện - Nước - PCCC Nguyễn Văn (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển		950,000			
Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy bột ABC 4kg	binh			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				388,889	
Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy bột ABC 8kg	binh			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				490,741	
Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy CO2 3kg	binh			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				587,963	
Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy CO2 5kg	binh			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				810,185	
Thiết bị PCCC	Kệ dới để bình	cái			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				122,727	
Thiết bị PCCC	Đầu báo khói	cái			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				268,519	
Thiết bị PCCC	Đầu phun K 8.0	cái			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				69,444	
Thiết bị PCCC	Tủ chữa cháy vách tường 50x70cm	cái			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				380,000	
Thiết bị PCCC	Tủ TT báo cháy 8 kênh	tủ			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				6,527,778	
Thiết bị PCCC	Mặt nạ lọc độc 30p	cái			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				280,000	
Thiết bị PCCC	Đồ phòng cháy (Quần áo, găng tay, ủng, nón)	bộ			Công ty TNHH TM DV TVXD & PCCC Đông Nam Tây (Phiếu khảo sát)		Giá bán ở Tx. Trảng Bàng. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển				1,250,000	
vật liệu khác	Cửa thép (thép khung dày 1.2mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng < 8m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,782,500	1,782,500	1,782,500	1,782,500
vật liệu khác	Cửa thép (thép khung dày 1.2mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,644,500	1,644,500	1,644,500	1,644,500
vật liệu khác	Cửa thép (thép khung dày 1.2mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,575,500	1,575,500	1,575,500	1,575,500
vật liệu khác	Cửa thép (thép khung dày 1.2mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng > 270 m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,529,500	1,529,500	1,529,500	1,529,500
vật liệu khác	Cửa thép (thép khung dày 1.2mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng >1000m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,483,500	1,483,500	1,483,500	1,483,500
vật liệu khác	Cửa thép (thép khung dày 1.2mm, thép cánh dày 1.0mm) Có pháo, khối lượng < 8m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,869,900	1,869,900	1,869,900	1,869,900







Nhóm	Tên vật liệu/vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.2mm, thép cánh dày 1.0mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,081,500	2,081,500	2,081,500	2,081,500
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.2mm, thép cánh dày 1.0mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,035,500	2,035,500	2,035,500	2,035,500
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.2mm, thép cánh dày 1.0mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,920,500	1,920,500	1,920,500	1,920,500
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng < 8m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,271,250	2,271,250	2,271,250	2,271,250
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,156,250	2,156,250	2,156,250	2,156,250
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,018,250	2,018,250	2,018,250	2,018,250
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,972,250	1,972,250	1,972,250	1,972,250
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 0.8mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,857,250	1,857,250	1,857,250	1,857,250
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 1.0mm) Có pháo, khối lượng < 8m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,364,400	2,364,400	2,364,400	2,364,400
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 1.0mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,249,400	2,249,400	2,249,400	2,249,400
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 1.0mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,111,400	2,111,400	2,111,400	2,111,400
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 1.0mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,065,400	2,065,400	2,065,400	2,065,400
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.0mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,950,400	1,950,400	1,950,400	1,950,400
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.2mm) Có pháo, khối lượng < 5m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,456,400	2,456,400	2,456,400	2,456,400
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 1.2mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,341,400	2,341,400	2,341,400	2,341,400
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 1.2mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,203,400	2,203,400	2,203,400	2,203,400
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1.4mm, thép cánh dày 1.2mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,157,400	2,157,400	2,157,400	2,157,400

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,4mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,042,400	2,042,400	2,042,400	2,042,400
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,4mm, thép cánh dày 1,4mm) có pháo, khối lượng < 8m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,549,550	2,549,550	2,549,550	2,549,550
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,4mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,434,550	2,434,550	2,434,550	2,434,550
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,4mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,296,550	2,296,550	2,296,550	2,296,550
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,4mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,250,550	2,250,550	2,250,550	2,250,550
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,4mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,135,550	2,135,550	2,135,550	2,135,550
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 0,8mm) Có pháo, khối lượng < 8m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,285,050	2,285,050	2,285,050	2,285,050
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 0,8mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E/60	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,170,050	2,170,050	2,170,050	2,170,050
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 0,8mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,032,050	2,032,050	2,032,050	2,032,050
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 0,8mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,986,050	1,986,050	1,986,050	1,986,050
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 0,8mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,871,050	1,871,050	1,871,050	1,871,050
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 1,0mm) Có pháo, khối lượng < 8m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,378,200	2,378,200	2,378,200	2,378,200
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 1,0mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,263,200	2,263,200	2,263,200	2,263,200
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 1,0mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,125,200	2,125,200	2,125,200	2,125,200
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 1,0mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,079,200	2,079,200	2,079,200	2,079,200
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,5mm, thép cánh dày 1,0mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,964,200	1,964,200	1,964,200	1,964,200
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng < 8m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,485,150	2,485,150	2,485,150	2,485,150

Nhóm	Tên vật liệu/vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,370,150	2,370,150	2,370,150	2,370,150
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,232,150	2,232,150	2,232,150	2,232,150
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,186,150	2,186,150	2,186,150	2,186,150
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,071,150	2,071,150	2,071,150	2,071,150
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng < 8m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,578,300	2,578,300	2,578,300	2,578,300
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,463,300	2,463,300	2,463,300	2,463,300
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,325,300	2,325,300	2,325,300	2,325,300
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,279,300	2,279,300	2,279,300	2,279,300
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,6mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,164,300	2,164,300	2,164,300	2,164,300
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 2,0mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng < 8m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,543,800	2,543,800	2,543,800	2,543,800
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,0mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,428,800	2,428,800	2,428,800	2,428,800
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 2,0mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 2,0mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,244,800	2,244,800	2,244,800	2,244,800
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 2,0mm, thép cánh dày 1,2mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,129,800	2,129,800	2,129,800	2,129,800
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 2,0mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng < 8m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,635,800	2,635,800	2,635,800	2,635,800
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 1,0mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng 14-27m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,520,800	2,520,800	2,520,800	2,520,800
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 2,0mm, thép cánh dày 1,4mm) Có pháo, khối lượng 27-160m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,382,800	2,382,800	2,382,800	2,382,800

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 2.0mm, thép cánh dày 1.4mm) Có pháo, khối lượng > 270m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thanh toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,336,800	2,336,800	2,336,800	2,336,800
vật liệu khác	Cửa thép chống cháy (thép khung dày 2.0mm, thép cánh dày 1.4mm) Có pháo, khối lượng > 1000m2 E160/70/90	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thanh toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	2,221,800	2,221,800	2,221,800	2,221,800
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm - ốp tole 2 mặt dày 0.8mm - Sơn tĩnh điện/Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bánh xe treo, bạc đạn dẫn hướng... khối lượng < 8m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thanh toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,883,000	1,883,000	1,883,000	1,883,000
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm - ốp tole 2 mặt dày 0.8mm - Sơn tĩnh điện / Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bánh xe treo, bạc đạn dẫn hướng... khối lượng 14-27m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thanh toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,808,000	1,808,000	1,808,000	1,808,000
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm - ốp tole 2 mặt dày 0.8mm - Sơn tĩnh điện / Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bánh xe treo, bạc đạn dẫn hướng... khối lượng 27-160m2	m2	Thép khung dày 1 Thép cánh dày 1, Lưỡi giày tòn		Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thanh toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,758,000	1,758,000	1,758,000	1,758,000
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm - ốp tole 2 mặt dày 0.8mm - Sơn tĩnh điện /Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bánh xe treo, bạc đạn dẫn hướng... khối lượng > 270m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thanh toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,708,000	1,708,000	1,708,000	1,708,000
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm - ốp tole 2 mặt dày 0.8mm - Sơn tĩnh điện /Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bánh xe treo, bạc đạn dẫn hướng... khối lượng >1000m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thanh toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,633,000	1,633,000	1,633,000	1,633,000
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm - ốp tole 2 mặt dày 1.0mm Sơn tĩnh điện/Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bánh xe treo, bạc đạn dẫn hướng... khối lượng < 8m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thanh toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,976,000	1,976,000	1,976,000	1,976,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm - Ốp tole 2 mặt dày 1.0mm - Sơn tĩnh điện/ Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bình xe treo, bạc đạn dẫn hướng...., khối lượng 14-27m2	m2	hàng dày 1.6mm cánh dày 1.2mm i giấy tờ ong		Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,901,000	1,901,000	1,901,000	1,901,000
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm -Ốp tole 2 mặt dày 1.0mm - Sơn tĩnh điện/Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bình xe treo, bạc đạn dẫn hướng...., khối lượng 27-160m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,851,000	1,851,000	1,851,000	1,851,000
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm -Ốp tole 2 mặt dày 1.0mm Sơn tĩnh điện / Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bình xe treo, bạc đạn dẫn hướng...., khối lượng > 270m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,801,000	1,801,000	1,801,000	1,801,000
vật liệu khác	Cửa lùa thép: - Khung cánh thép dày 1.6mm - Xương gia cố thép dày 1.2mm - Ốp tole 2 mặt dày 1.0mm - Sơn tĩnh điện / Sơn dầu hoàn thiện - Phụ kiện: Ray treo, bình xe treo, bạc đạn dẫn hướng...., khối lượng >1000m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,726,000	1,726,000	1,726,000	1,726,000
vật liệu khác	Màng cuốn ngăn cháy, giới hạn chịu lửa không thấp hơn EI60 phút.Khối lượng 3-5m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	6,785,000	6,785,000	6,785,000	6,785,000
vật liệu khác	Màng cuốn ngăn cháy, giới hạn chịu lửa không thấp hơn EI60 phút.Khối lượng 5-7m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	6,325,000	6,325,000	6,325,000	6,325,000
vật liệu khác	Màng cuốn ngăn cháy, giới hạn chịu lửa không thấp hơn EI60 phút.Khối lượng 7-10m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	4,370,000	4,370,000	4,370,000	4,370,000
vật liệu khác	Cửa cuốn chống cháy dày 35 ±2mm, giới hạn chịu lửa EI60.Khối lượng <3m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	9,775,000	9,775,000	9,775,000	9,775,000
vật liệu khác	Cửa cuốn chống cháy dày 35 ±2mm, giới hạn chịu lửa EI60.Khối lượng 3-5m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	8,165,000	8,165,000	8,165,000	8,165,000
vật liệu khác	Cửa cuốn chống cháy dày 35 ±2mm, giới hạn chịu lửa EI60.Khối lượng 5-7m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	7,360,000	7,360,000	7,360,000	7,360,000
vật liệu khác	Cửa cuốn chống cháy dày 35 ±2mm, giới hạn chịu lửa EI60.Khối lượng 7-10m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	5,635,000	5,635,000	5,635,000	5,635,000
vật liệu khác	Màng xếp ngăn cháy EI60. Khối lượng <3m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000
vật liệu khác	Màng xếp ngăn cháy EI60. Khối lượng 3-5m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	7,935,000	7,935,000	7,935,000	7,935,000
vật liệu khác	Màng xếp ngăn cháy EI60. Khối lượng 5-7m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	6,670,000	6,670,000	6,670,000	6,670,000

Nhóm	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
										Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
Vật liệu khác	Máng xép ngăn cháy EI60. Khối lượng 7-10m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	5,290,000	5,290,000	5,290,000	5,290,000
Vật liệu khác	Máng xép ngăn cháy EI90. Khối lượng <3m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	9,890,000	9,890,000	9,890,000	9,890,000
Vật liệu khác	Máng xép ngăn cháy EI90. Khối lượng 3-5m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	8,165,000	8,165,000	8,165,000	8,165,000
Vật liệu khác	Máng xép ngăn cháy EI90. Khối lượng 5-7m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	6,900,000	6,900,000	6,900,000	6,900,000
Vật liệu khác	Máng xép ngăn cháy EI90. Khối lượng 7-10m2	m2			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	5,520,000	5,520,000	5,520,000	5,520,000
Vật liệu khác	Sàn nâng kỹ thuật. Mã hiệu FSSC1000	bộ			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,150,000	1,150,000	1,150,000	1,150,000
Vật liệu khác	Phụ kiện đi kèm của thép, cửa thép chống cháy. Khoá tay gat	bộ			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	550,000	550,000	550,000	550,000
Vật liệu khác	Phụ kiện đi kèm của thép, cửa thép chống cháy. Khoá tay gat thanh thoát hiểm	bộ			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	550,000	550,000	550,000	550,000
Vật liệu khác	Phụ kiện đi kèm của thép, cửa thép chống cháy. Khoá tay gat thanh thoát hiểm đơn	bộ			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	850,000	850,000	850,000	850,000
Vật liệu khác	Phụ kiện đi kèm của thép, cửa thép chống cháy. Khoá tay gat thanh thoát hiểm đôi	bộ			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	1,150,000	1,150,000	1,150,000	1,150,000
Vật liệu khác	Phụ kiện đi kèm của thép, cửa thép chống cháy. Ty đẩy hơi 85kg	bộ			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	450,000	450,000	450,000	450,000
Vật liệu khác	Phụ kiện đi kèm của thép, cửa thép chống cháy. Tay đẩy hơi 150kg	bộ			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	750,000	750,000	750,000	750,000
Vật liệu khác	Phụ kiện đi kèm của thép, cửa thép chống cháy. Bàn bê inox	cái			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	70,000	70,000	70,000	70,000
Vật liệu khác	Phụ kiện đi kèm của thép, cửa thép chống cháy. Chốt âm	cái			Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hòa Phát	Việt Nam	Thành toán nhiều đợt theo thỏa thuận; chưa bao gồm lắp đặt	Lấy hàng tại xưởng sản xuất	(Mức giá kê khai này thực hiện từ 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	100,000	100,000	100,000	100,000
Vật liệu khác	Biển tròn D=0,9m	cái		Đáp ứng các yêu cầu của QCVN 41:2024/BGTVT: - Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x60x2.0mm; T50x100x3.2 (không bao gồm bulong và chi tiết liên kết cốt) - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecocons Vina	Việt Nam	Bao gồm chi phí thi nghiệm và các chi phí liên quan để hoàn thành công việc như nghiệm thu, dự liệu, sản xuất mẫu, ...	Bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các DA trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại vị trí lắp đặt		2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000
Vật liệu khác	Hồ lan tôn sóng mạ kẽm loại 2 sóng 697x310x4mm (tấm sóng cong đặc biệt 2 đầu)	tấm		Toàn bộ mạ kẽm những nóng. Tấm 2 đầu, hình chữ U, tổng dài 1394mm	Công ty Cổ phần Indecocons Vina	Việt Nam	Bao gồm chi phí thi nghiệm và các chi phí liên quan để hoàn thành công việc như nghiệm thu, dự liệu, sản xuất mẫu, ...	Bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các DA trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại vị trí lắp đặt		776,830	776,830	776,830	776,830
Vật liệu khác	Hồ lan tôn sóng mạ kẽm loại 2 sóng 3320x310x4mm (tấm sóng cong đặc biệt 2 đầu)	tấm		Toàn bộ mạ kẽm những nóng	Công ty Cổ phần Indecocons Vina	Việt Nam	Bao gồm chi phí thi nghiệm và các chi phí liên quan để hoàn thành công việc như nghiệm thu, dự liệu, sản xuất mẫu, ...	Bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các DA trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại vị trí lắp đặt		1,988,000	1,988,000	1,988,000	1,988,000
Vật liệu khác	Cột tôn lợp sóng D141.3x4.5x2500mm	cột		Toàn bộ mạ kẽm những nóng	Công ty Cổ phần Indecocons Vina	Việt Nam	Bao gồm chi phí thi nghiệm và các chi phí liên quan để hoàn thành công việc như nghiệm thu, dự liệu, sản xuất mẫu, ...	Bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các DA trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại vị trí lắp đặt		1,727,500	1,727,500	1,727,500	1,727,500

\* **Chi chú: danh sách phường/xã tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (cũ) trước sáp nhập tại Nghị quyết 1682/NQ-UBTVQH15 năm 2025 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**  
Tp. Tây Ninh (cũ): phường Tây Ninh, phường Bình Minh, phường Ninh Thành (gồm xã Bàu Nặng, xã Chà Lả thuộc huyện Dương Minh Châu cũ).

Tx. Trảng Bàng (cũ): phường Trảng Bàng, phường An Tịnh, xã Hưng Thuận, xã Phước Chi.

Tx. Hòa Thành (cũ): phường Long Hoa, phường Hòa Thành.

H. Tân Biên (cũ): xã Tân Lập, xã Tân Biên, xã Thanh Bình, xã Trà Vong.

H. Tân Châu (cũ): xã Tân Đông, xã Tân Hòa, xã Tân Châu, xã Tân Phú, xã Tân Hội, xã Tân Thành.

H. Châu Thành (cũ): phường Thanh Điền (gồm phường Hiệp Tân thuộc Tx. Hòa Thành cũ); xã Phước Vinh, xã Hòa Hội, xã Ninh Diễm, xã Châu Thành, xã Hào Đức.

H. Dương Minh Châu (cũ): xã Lộc Ninh, xã Cầu Khởi, xã Dương Minh Châu.

H. Bến Cầu (cũ): xã Long Chữ, xã Long Thuận, xã Bến Cầu.

H. Gò Dầu (cũ): phường Gò Dầu, phường Gia Lộc, xã Thanh Đức, xã Phước Thạnh, xã Trương Mit.